

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Thu Trang

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lương Khánh Chi

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ,
DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB 888**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Thu Trang
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lương Khánh Chi**

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Thu Trang

Mã SV: 1354010225

Lớp: QT1305K

Ngành: Kế toán – Kiểm

toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định
kết quả

kinh doanh tại Công ty cổ phần Thương mại TB 888

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán, chi phí, doanh thu và xác

định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh

- Phân tích thực trạng công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết

quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại TB 888

- Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị nghiên cứu.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh

- Quy chế, quy định về kế toán-tài chính doanh nghiệp

- Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại TB 888

3 Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Tên công ty: công ty Cổ phần thương mại TB 888

-Địa chỉ: Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1-Quận Hải An-Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Lương Khánh Chi

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại TB 888

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn****Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013*****Hiệu trưởng****GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

NỘI DUNG.....	Trang
LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	3
1.1 Tổng quan về chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp.....	3
1.1.1 Một số vấn đề cơ bản về Chi phí trong Doanh nghiệp.....	3
1.1.1.1 Khái niệm về chi phí.....	3
1.1.1.2 Nội dung chi phí.....	3
1.1.2 Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong Doanh nghiệp.....	5
1.1.2.1 Khái niệm cơ bản về doanh thu.....	5
1.1.2.2 Nội dung về doanh thu.....	5
1.1.2.3 Các khoản giảm trừ doanh thu.....	7
1.1.3 Một số vấn đề cơ bản về xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.1.3.1 Khái niệm về xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.1.3.2 Phương pháp xác định kết quả kinh doanh.....	9
1.1.4 Sự cần thiết của việc tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.....	9
1.1.5 Nhiệm vụ của việc tổ chức công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.....	11
1.2 Nội dung tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp.....	11
1.2.1 Tổ chức kế toán chi phí, doanh thu hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ.....	11
1.2.1.1 Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán.....	11
1.2.1.2 Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	18
1.2.1.3 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	20
1.2.1.3.1 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	20
1.2.1.3.2 Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	27
1.2.2 Tổ chức kế toán chi phí, doanh thu hoạt động tài chính.....	28
1.2.2.1 Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	28
1.2.2.2 Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	31
1.2.3 Tổ chức kế toán chi phí khác, thu nhập hoạt động khác.....	33

1.2.3.1	Tổ chức kế toán chi phí khác.....	33
1.2.3.2	Tổ chức kế toán thu nhập hoạt động khác.....	33
1.2.4.	Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	37
1.2.4.1	Tổ chức kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	37
1.2.4.2	Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	38
1.2.5	Tổ chức sổ sách kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	41
1.2.5.1	Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	41
1.2.5.2	Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái.....	43
1.2.5.3	Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	44
1.2.5.4	Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.....	46
1.2.5.5	Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	48
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB 888.....		49
2.1	Khái quát chung về công ty Cổ phần thương mại TB 888.....	49
2.1.1	Quá trình hình thành và phát triển	49
2.1.2	Đặc điểm sản xuất kinh doanh.....	51
2.1.3	Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.....	51
2.1.3.1	Sơ đồ bộ máy tổ chức.....	51
2.1.3.2	Chức năng, nhiệm vụ từng bộ phận.....	51
2.1.4	Tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần thương mại TB 888.	54
2.2	Thực trạng tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần TB888.....	56
2.2.1	Thực trạng tổ chức kế toán chi phí, doanh thu hoạt động bán hàng tại công ty cổ phần TM TB.888.....	56

2.2.1.1	Thực trạng tổ chức kế toán chi phí của hoạt động bán hàng.....	56
2.2.1.2	Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty cổ phần TM TB.888.....	78
2.2.2	Thực trạng tổ chức kế toán chi phí, doanh thu hoạt động tài chính tại công ty cổ phần TMTB.888.....	84
2.2.2.1	Thực trạng tổ chức kế toán chi phí tài chính.....	84
2.2.2.2	Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	89
2.2.3	Thực trạng tổ chức kế toán chi phí, thu nhập khác.....	94
2.2.4	Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần TMTB.888.....	94
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB 888.....		107
3.1	Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán tại công ty.....	107
3.1.1	Kết quả.....	107
3.1.2	Hạn chế.....	108
3.2	Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại TB 888.....	110
3.2.1	Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán.....	110
3.2.2	Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại TB 888.....	111
KẾT LUẬN.....		128

LỜI MỞ ĐẦU

Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội, dù ở bất kỳ một quốc gia nào, doanh nghiệp cũng đóng góp một vai trò rất quan trọng. Không chỉ là một đơn vị sản xuất cơ sở, một tế bào của nền kinh tế mà doanh nghiệp còn là nơi trực tiếp phối hợp các yếu tố sản xuất hợp lý để tạo ra sản phẩm hoặc dịch vụ một cách hiệu quả nhất.

Theo cùng với sự phát triển đó thì số lượng các doanh nghiệp được thành lập cũng ngày càng nhiều làm cho tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp với nhau trở nên mạnh mẽ và quyết liệt hơn. Để đảm bảo được sự tồn tại và phát triển một cách bền vững thì doanh nghiệp không chỉ cần có một chiến lược kinh doanh kịp thời, hiệu quả mà còn cần có một tổ chức hạch toán kế toán thật hoàn thiện và chuyên nghiệp.

Hạch toán kế toán chính là công cụ quan trọng trong hệ thống pháp luật tài chính của một quốc gia, nó có vai trò tích cực trong việc quản lý và kiểm soát các hoạt động kinh tế xã hội nói chung và của từng doanh nghiệp nói riêng. Vì kế toán là nghệ thuật quan sát, ghi chép, phân loại tổng hợp các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp một cách trung thực và đầy đủ. Thông qua thông tin kế toán giúp cho các nhà quản lý nắm bắt, đánh giá, kiểm soát một cách nhanh chóng và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Từ đó giúp đưa ra các quyết định hợp lý và chiến lược kinh doanh trong tương lai.

“Tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh” được xem là một bộ phận rất quan trọng trong hạch toán kế toán của doanh nghiệp. Nó không chỉ cung cấp thông tin về sản phẩm của doanh nghiệp được tiêu thụ như thế nào mà còn cho biết chi phí trong quá trình sản xuất ra sản phẩm hay cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra sao, kết quả kinh doanh trong kỳ mà doanh nghiệp đạt được. Những thông tin đó rất đắt giá, có thể coi là trợ thủ đắc lực trong việc ra quyết định của các nhà quản lý nhằm nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần thương mại TB 888, bằng kiến thức đã tích lũy được trong thời gian học tập ở trường cùng với sự giúp đỡ của các thầy cô giáo và cán bộ kế toán trong công ty, xuất phát từ tầm quan trọng của tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nên em đã chọn đề tài “ *Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại TB 888*” làm khóa luận tốt nghiệp của mình.

Mục đích nghiên cứu của đề tài: Tìm hiểu thực trạng tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại TB.888 để thấy được những ưu điểm và hạn chế trong tổ chức kế toán, từ đó đề xuất một số biện pháp góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài: Đề tài tập trung nghiên cứu tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh của công ty cổ phần thương mại TB.888 trong năm quý IV 2012.

Nội dung bài khóa luận gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại TB.888

Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại TB.888.

Mặc dù rất cố gắng nhưng do trình độ và thời gian có hạn, kiến thức thực tế còn ít nên trong bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được sự góp ý chân thành, quý báu của các thầy cô cũng như các cán bộ phòng kế toán trong công ty để em có thể hoàn thiện hơn nữa về đề tài cứu này. Đồng thời em xin chân thành cảm ơn Thạc sỹ Lương Khánh Chi đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em hoàn thành khóa luận này!.

CHƯƠNG 1**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ,
DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG
DOANH NGHIỆP****1.1 Tổng quan về chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.****1.1.1 Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp.****1.1.1.1 Khái niệm về chi phí**

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ nhằm đạt được mục tiêu cuối cùng là doanh thu và lợi nhuận.

1.1.1.2 Nội dung chi phí

Chi phí trong doanh nghiệp bao gồm:

- Giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hóa (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí bán hàng:

Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng, thuê, phí và lệ phí, chi phí dự phòng phải thu khó đòi, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí hoạt động tài chính:

Phản ánh những khoản chi phí bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

- Chi phí khác:

Là những khoản chi phí của những hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- + Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế
- + Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- + Các khoản chi phí khác

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện tại.

Phương pháp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN(%)

1.1.2 Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp.

1.1.2.1 Khái niệm cơ bản về doanh thu

- Khái niệm về doanh thu:

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động SXKD thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.(Chuẩn mực số 14-ban hành theo quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001).

Doanh thu thuần là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511), doanh thu nội bộ (TK 512), sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và thuế GTGT đầu ra phải nộp đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

1.1.2.2 Nội dung về doanh thu:

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán(nếu có).

- **Doanh thu bán hàng nội bộ** phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

• **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- + Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, tỷ giá hối đoái, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
- + Thu nhập từ cho thuê tài sản cho người khác sử dụng tài sản
- + Cổ tức, lợi nhuận được chia
- + Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- + Thu nhập chuyển nhượng cho thuê cơ sở hạ tầng
- + Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- + Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ
- + Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn

• **Thu nhập khác** là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- + Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ
- + Các khoản thuế được Ngân Sách Nhà Nước hoàn lại
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- + Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- + Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- + Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên

1.1.2.3 Các khoản giảm trừ doanh thu:

➤ **Chiết khấu thương mại**

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết mua, bán hàng.

Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hóa đơn GTGT” hoặc “Hóa đơn bán hàng” lần cuối cùng.

Trường hợp người mua hàng mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

➤ **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu... đã ghi trong hợp đồng.

➤ **Hàng bán bị trả lại:**

Hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng hàng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

➤ **Các loại thuế làm giảm doanh thu**

Thuế Tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng, trong đó:

Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế đánh trên hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là loại thuế gián thu cấu thành trong giá bán sản phẩm.

Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hóa chịu thuế xuất khẩu.

Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

$$\begin{aligned} \text{Số thuế GTGT} &= \text{GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra} \times \text{Thuế suất thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ (\%)} \\ \text{GTGT} &= \text{Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra} - \text{Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng} \end{aligned}$$

Thuế tiêu thụ đặc biệt: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} \times \text{Thuế suất thuế TTĐB(\%)}$$

Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hóa mà hàng hóa đó phải chịu thuế xuất khẩu.

1.1.3 Một số vấn đề cơ bản về xác định kết quả kinh doanh

1.1.3.1 Khái niệm về xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả hoạt động kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

Hoạt động sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

Hoạt động tài chính là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

Hoạt động khác là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

1.1.3.2 Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả		Doanh thu			Chi phí
hoạt động	=	thuần về	- Giá vốn	- Chi phí	quản lý
sản xuất		bán hàng và	hàng bán	bán hàng	doanh
kinh doanh					ng nghiệp

Trong đó:

Doanh thu thuần về bán hàng = Doanh thu về bán hàng - Các khoản giảm và cung cấp dịch vụ và cung cấp dịch vụ trừ doanh thu

➤ *Kết quả hoạt động tài chính*

Kết quả hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính

➤ *Kết quả hoạt động khác*

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

1.1.4 Sự cần thiết của việc tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm và đặt lên hàng đầu là làm thế nào để hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất. Muốn tìm được lời giải cho bài toán đó thì việc quan tâm đến các yếu tố chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là điều rất quan trọng bởi vì các chỉ tiêu đó phản ánh đích thực tình hình sản

xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, doanh nghiệp cần phải theo dõi, quản lý chặt chẽ các yếu tố này nhằm kinh doanh có hiệu quả hơn.

Như vậy, việc tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc thu thập số liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; qua đó xử lý và cung cấp thông tin số liệu giúp cho các nhà quản lý doanh nghiệp đưa ra được các quyết định kinh doanh chính xác, kịp thời, đạt hiệu quả cao nhất.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với nhà quản lý mà còn rất cần thiết đối với các nhà đầu tư, các trung gian tài chính và các cơ quan quản lý nền kinh tế.

Đối với các nhà đầu tư: Thông qua thông tin về chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh có thể nắm bắt được tình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra được các quyết định đầu tư một cách đúng đắn.

Đối với các trung gian tài chính: Như Ngân hàng hay các công ty cho thuê tài chính.. dựa vào thông tin về chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh mà thẩm định về tình hình tài chính của doanh nghiệp để đi đến quyết định về việc vay vốn của doanh nghiệp.

Đối với các cơ quan quản lý nền kinh tế: Thông tin về chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh còn giúp cơ quan thuế giám sát việc chấp hành các chính sách về chế độ kinh tế, tài chính và thuế của doanh nghiệp hay các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra được những thông số cần thiết giúp chính phủ điều tiết nền kinh tế vĩ mô một cách tốt hơn.

1.1.5 Nhiệm vụ của việc tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp thì kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị...

Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp để từ đó đưa ra được biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời, tránh bị khách hàng chiếm dụng vốn.

Ngoài ra tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh còn có nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, đối với các nhà đầu tư và cung cấp thông tin cho việc lập các Báo cáo tài chính.

1.2 Nội dung tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1 Tổ chức kế toán chi phí, doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1 Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán.

- Các phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho
- Phương pháp bình quân gia quyền:

Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{Xuất kho} \end{array} = \frac{\text{Trị giá SP,HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP,HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP,HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP,HH nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng đến tiến độ của các phân hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá Xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp ít chủng loại hàng tồn kho, có lượng nhập, xuất ít.

Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO).

Theo phương pháp này kế toán xác định đơn giá thực tế nhập kho của từng lần nhập và giả thiết rằng hàng nào nhập trước thì xuất trước. Như vậy, đơn giá xuất kho là đơn giá của mặt hàng nhập trước và giá tồn cuối kỳ là đơn giá của những lần nhập sau cùng.

Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO).

Theo phương pháp này kế toán theo dõi đơn giá của từng lần nhập và giả thiết hàng nào nhập sau sẽ xuất trước. Căn cứ vào số lượng xuất kho, kế toán tính giá xuất kho theo nguyên tắc trước hết lấy đơn giá của lần nhập sau cùng, số lượng còn lại tính theo đơn giá của các lần nhập trước đó. Như vậy giá thực tế tồn cuối kỳ là giá của các lần nhập đầu tiên.

Phương pháp thực tế đích danh.

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương pháp tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

- Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu xuất kho
 - Bảng tính và phân bổ Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
 - Các chứng từ, hóa đơn liên quan khác.

- **Tài khoản sử dụng:**

TK 632 " Giá vốn hàng bán(Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 632 có sự khác nhau giữa 2 phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ:

Kết cấu tài khoản 632 theo phương pháp kê khai thường xuyên

Bên Nợ:

-Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh:

- +Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán ra trong kỳ.
- +Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán ra trong kỳ;
- +Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
- +Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình xây dựng, tự chế hoàn thành;
- +Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho(Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

-Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh:

- +Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;
- +Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;
- +Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ;

- +Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;
- +Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính(Chênh lệch giữa số dự phòng năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

Kết cấu tài khoản 632 theo phương pháp kiểm kê định kỳ**Bên Nợ:****-Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:**

-Trị giá vốn của hàng hóa xuất bán trong kỳ.

-Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho(Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

-Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

+Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;

+Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho(Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết);

+Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong chưa nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

Bên Có:**-Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:**

-Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;

-Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

-Kết chuyển giá vốn hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

-Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ

-Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”;

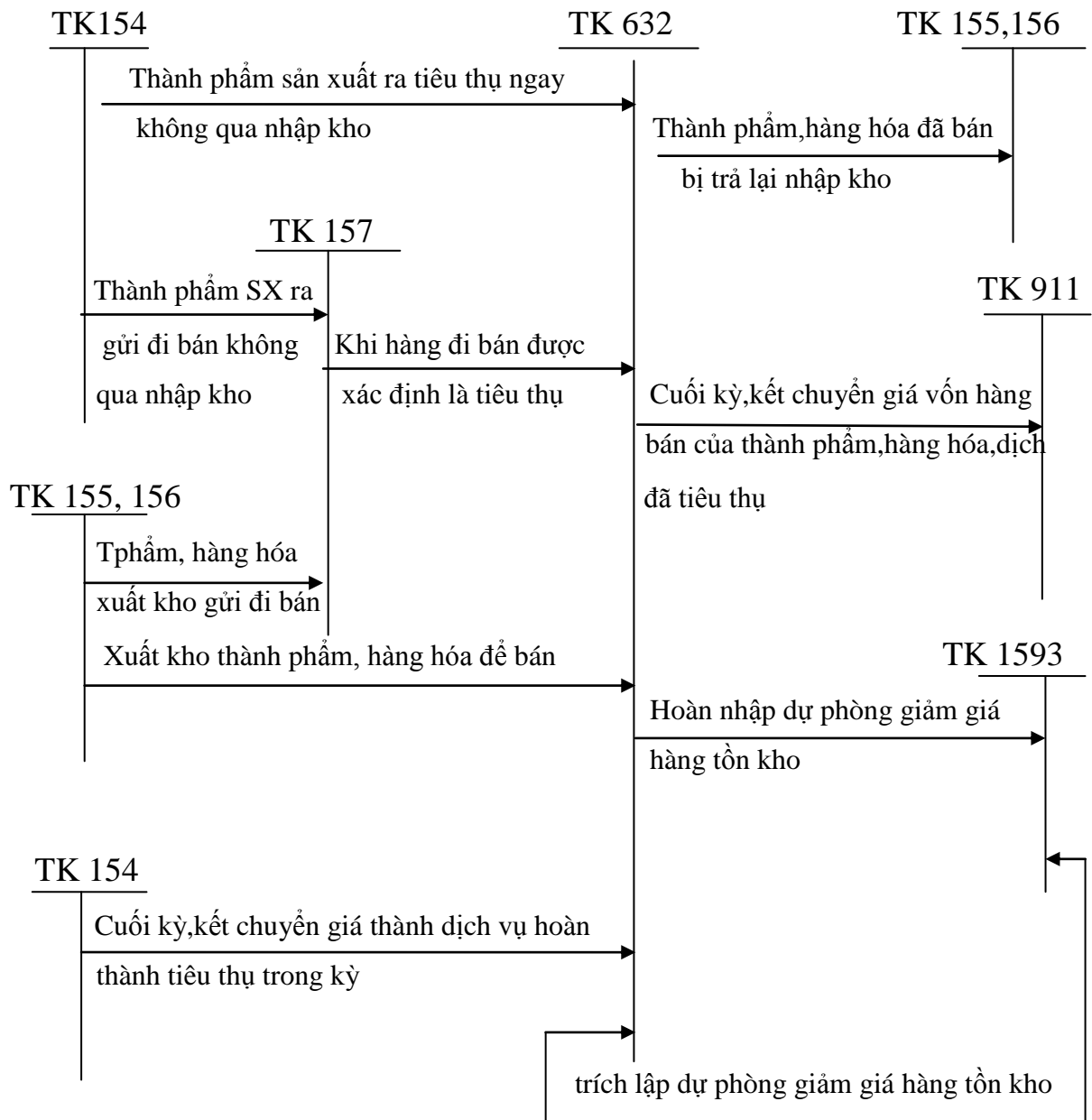
-Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết);

-Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

- Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.1: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.2.1.2 Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh

- **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 - TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy báo nợ của ngân hàng

- **Tài khoản sử dụng:**

Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính thì TK 642-Chi phí quản lý kinh doanh có 2 TK cấp 2 là:

- TK 6421 “ Chi phí bán hàng”
- TK 6421 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

- **Kết cấu tài khoản:**

Bên Nợ:

-Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ

Bên Có:

-Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ

-Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả(Chênh lệch giữa dự phòng phải lập kỳ này < số đã lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết).

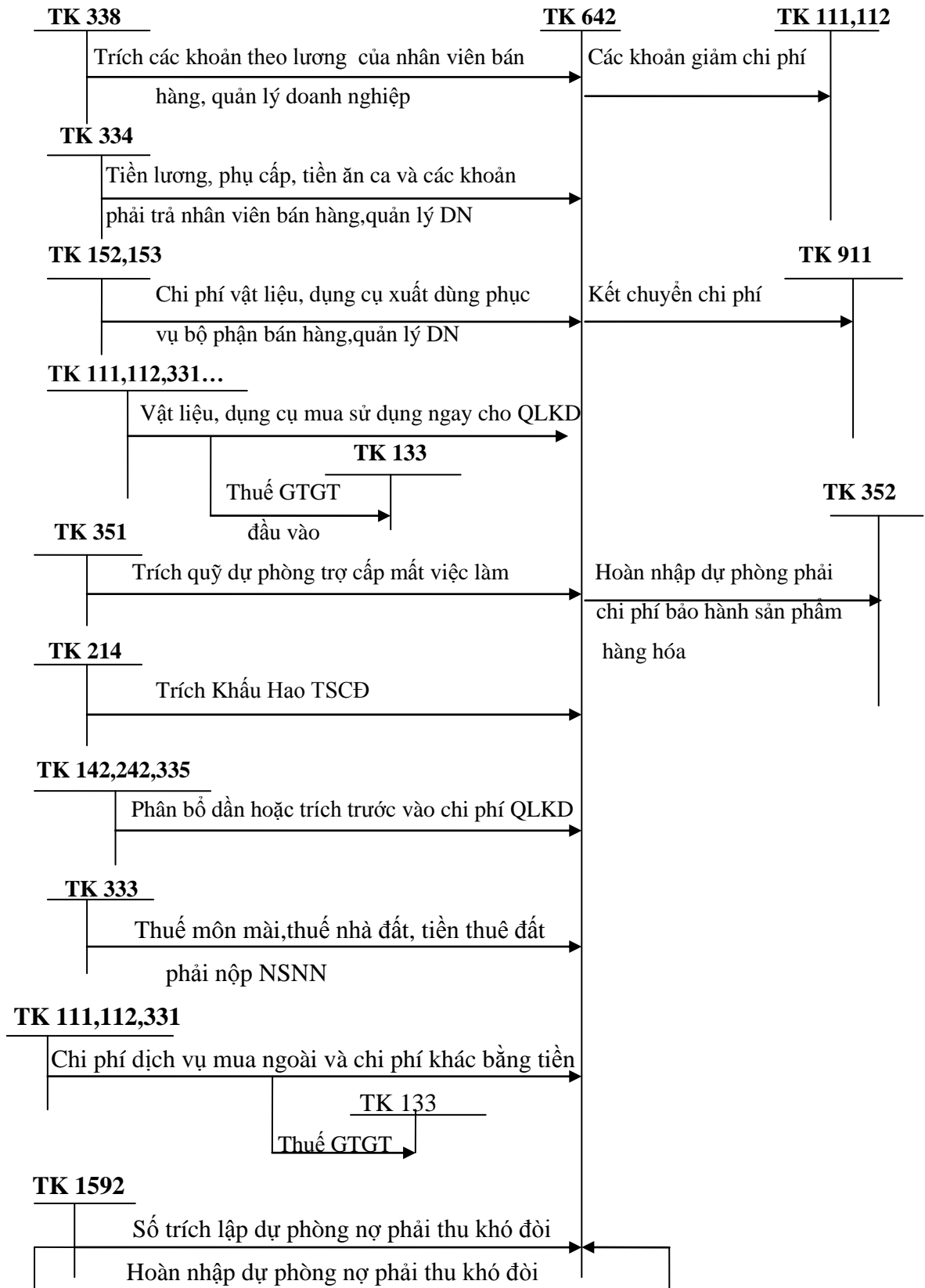
-Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả

kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

- Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.1.3 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.3.1 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- **Thời điểm ghi nhận doanh thu**

Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hoá, lao vụ từ người bán sang người mua. Nói cách khác, thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm người mua trả tiền cho người bán hay người mua chấp nhận thanh toán số sản phẩm hàng hoá, dịch vụ...mà người bán đã chuyển giao.

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- **Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu**

- Doanh thu bán hàng, và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư...cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán(nếu có).
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng là giá chưa có thuế GTGT.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng là tổng giá thanh toán.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng là tổng giá thanh toán(Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc là thuế xuất khẩu).
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì doanh thu bán hàng là số tiền thực tế doanh nghiệp nhận được không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.
- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính được phân tính lãi trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.
- Những sản phẩm, hàng hóa được xác định là tiêu thụ, nhưng vì một lý do về chất lượng, quy cách kỹ thuật...người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu được giảm giá và được doanh nghiệp chấp nhận hoặc người mua hàng với số lượng lớn và được hưởng chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt trên các

tài khoản 5211-Chiết khấu thương mại,tài khoản 5212-Hàng bán bị trả lại, tài khoản 5213-Giảm giá hàng bán.

- Trường hợp doanh nghiệp viết hoá đơn và đã thu được tiền nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng, thì giá trị số hàng này không được coi là tiêu thụ và không được ghi vào TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ mà chỉ hạch toán vào bên có TK 131- phải thu của khách hàng về khoản tiền đã thu được của khách hàng. Khi thực hiện giao hàng cho người mua thì phải hạch toán vào TK 511 về giá trị hàng đã giao, đã thu trước tiền bán hàng, phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản có nhận tiền thuê trước nhiều năm thì doanh thu tiêu thụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho các năm thuê tài sản.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

• **Không hạch toán doanh thu tiêu thụ các trường hợp sau:**

- + Trị giá vật tư, hàng hoá, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.
- + Trị giá sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị thành viên trong một công ty, tổng công ty hạch toán ngành.
- + Số tiền thu về từ nhượng bán thanh lý TSCĐ.
- + Trị giá sản phẩm, hàng hoá đang gửi bán, dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được người mua chấp nhận thanh toán.
- + Trị giá hàng tiêu thụ theo phương pháp gửi đại lý, ký gửi chưa được xác định là tiêu thụ.
- + Các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng.

- **Các phương thức bán hàng**

Phương thức bán hàng trực tiếp:

Theo phương thức này, khi người bán giao hàng cho người mua tại quầy hoặc phân xưởng sản xuất đồng thời phải viết hóa đơn bán hàng giao cho người mua thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ.

Bán buôn: Là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

Phương thức gửi hàng:

Theo phương thức này doanh nghiệp chở hàng đi gửi các cửa hàng để bán hộ. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán thì số hàng được chấp nhận đó mới chính thức được coi là tiêu thụ.

Phương thức bán hàng đại lý

Theo phương thức này, số hàng gửi đại lý vẫn thuộc sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi chính thức tiêu thụ. Về cơ bản, kế toán ghi các bút toán tương tự như tiêu thụ theo phương thức gửi hàng.

Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp

Bán hàng trả góp, trả chậm là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường, số tiền trả ở kỳ tiếp sau bằng nhau, trong đó bao gồm 1 phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm.

Về thực chất chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì DN mới mất quyền sở hữu. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi bán hàng trả chậm, trả góp giao cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ.

Phương thức hàng đổi hàng

Phương thức hàng đổi hàng là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

Phương thức tiêu thụ nội bộ

Theo phương thức này các cơ sở sản xuất, kinh doanh khi xuất hàng hoá điều chỉnh cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc như các chi nhánh, các cửa hàng... ở các địa phương để bán hoặc xuất điều chuyển giữa các chi nhánh, các đơn vị phụ thuộc nhau; xuất trả hàng từ các đơn vị hạch toán phụ thuộc về cơ sở sản xuất kinh doanh.

• Chứng từ sử dụng

- + Hóa đơn GTGT
- + Hóa đơn bán hàng thông thường
- + Hợp đồng kinh tế
- + Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).
- + Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...)

• Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006.

Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” có 4 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5118- Doanh thu khác

- **Kết cấu tài khoản 511**

Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp bán hàng thực tế sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.

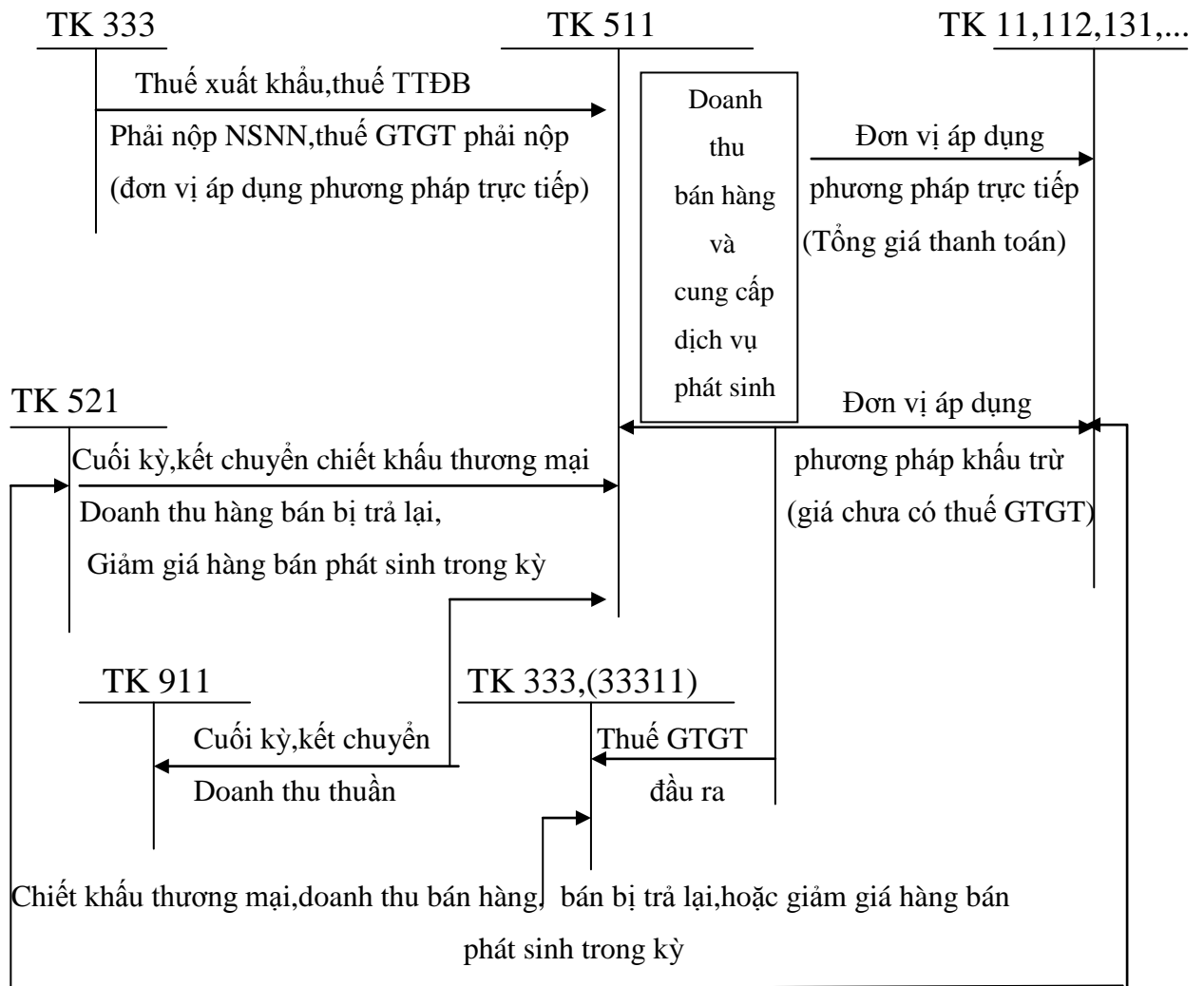
Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

- Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.2.1.3.2 Tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như:Phiếu chi,giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như:Phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

- **Tài khoản sử dụng**

Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006, Tài khoản 521-Các khoản giảm trừ doanh thu có 3 tài khoản cấp 2 là:

- + Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại
- +Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại
- +Tài khoản 52 13 - Giảm giá hàng bán

- **Kết cấu tài khoản:**

+Tài khoản 521– Các khoản giảm trừ doanh thu:

Bên Nợ:

- Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã trừ
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng

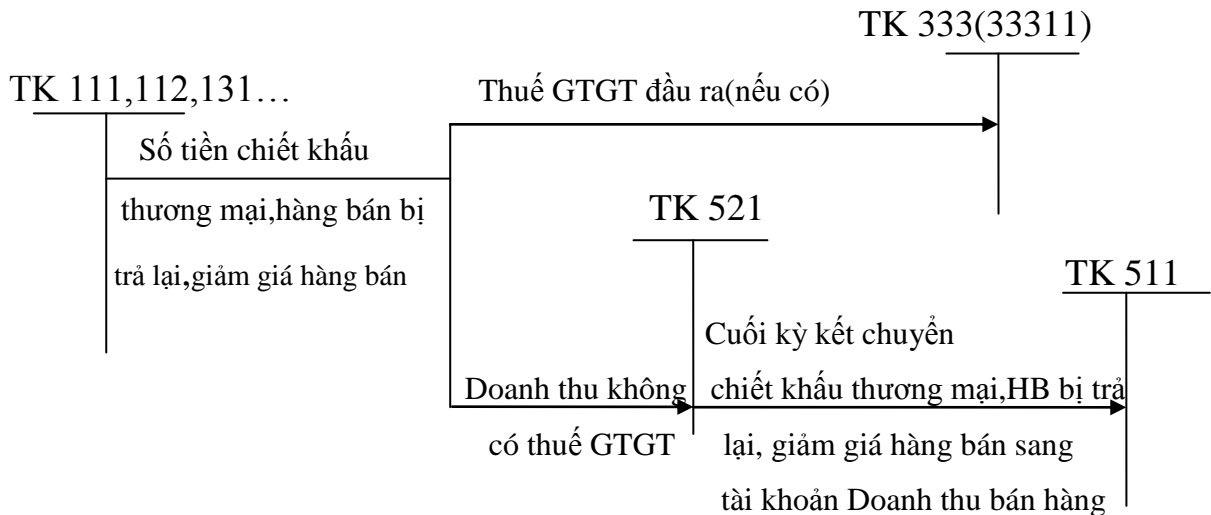
Bên Có:

- Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

- Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.5: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (Doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu trừ).



1.2.2 Tổ chức kế toán chi phí, doanh thu hoạt động tài chính.

1.2.2.1 Tổ chức kế toán chi phí tài chính.

- **Chứng từ sử dụng:**

Giấy báo nợ và bản sao kê chi tiết của ngân hàng

- **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 635

- **Kết cấu tài khoản 635**

Bên Nợ:

-Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;

-Lỗ bán ngoại tệ; Chiết khấu thanh toán cho người mua;

-Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện); Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);

-Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;

-Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB.

Bên Có:

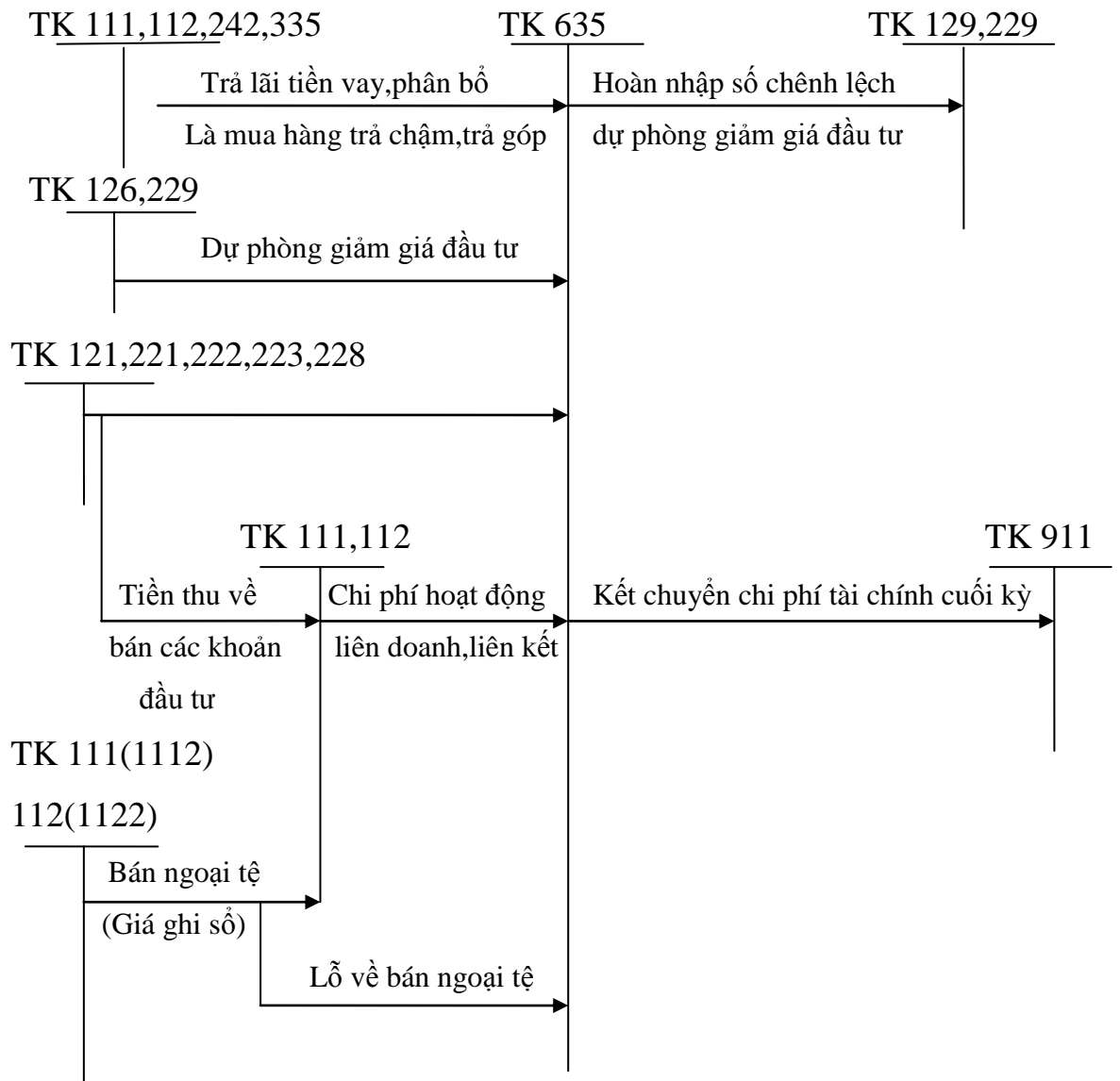
-Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán(Chênh lệch giữa số dự phòng.

-Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

- Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí tài chính



1.2.2.2 Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**• Chứng từ sử dụng:**

- +Giấy báo có của ngân hàng
- +Bản sao kê chi tiết của ngân hàng
- +Phiếu kế toán, phiếu thu, phiếu chi và các chứng từ liên quan khác.

• Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

• Kết cấu tài khoản 515**Bên Nợ:**

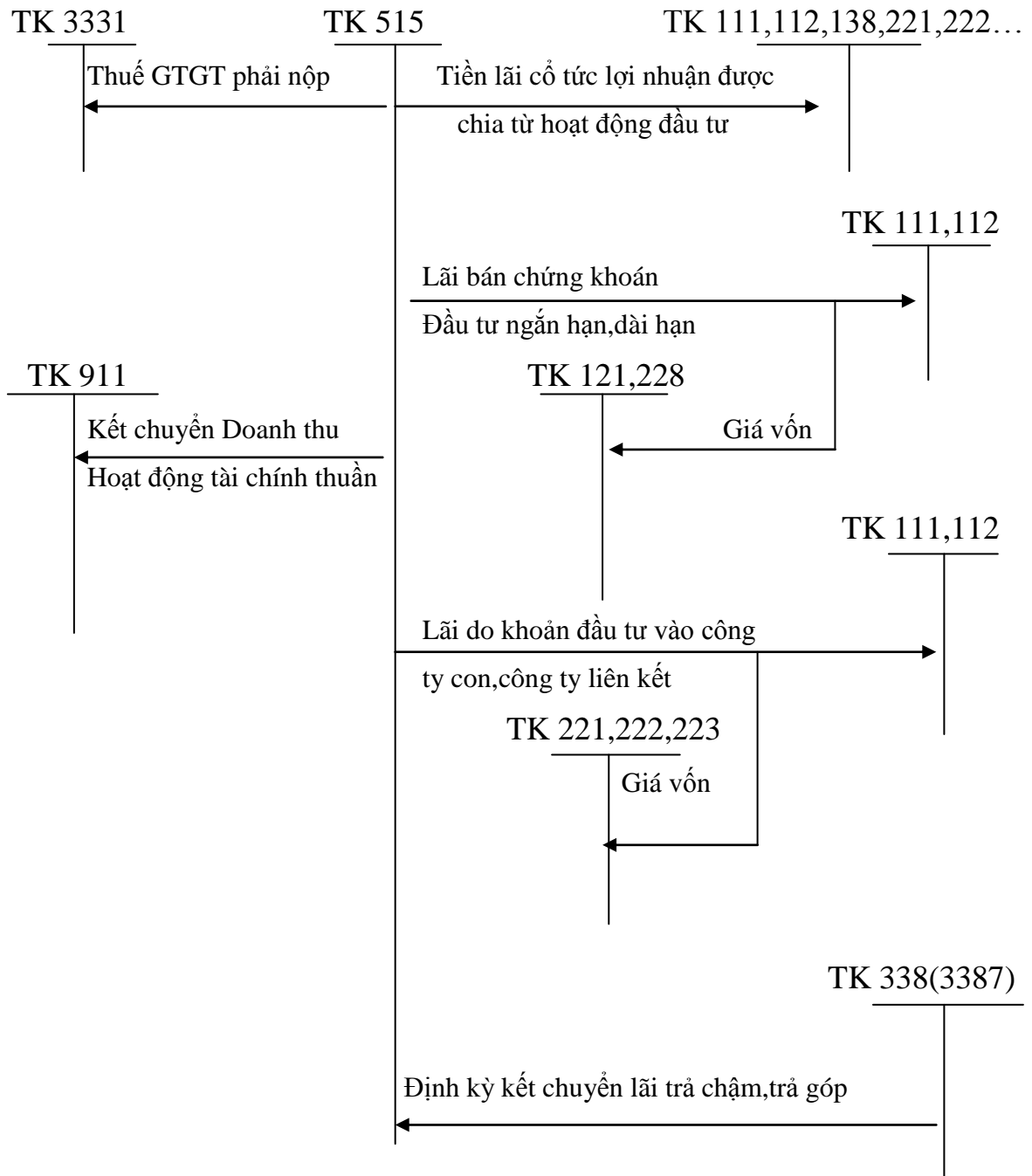
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp(nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- Tiền lãi,cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con,công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XD CB(giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.7: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.



1.2.3 Tổ chức kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.**1.2.3.1 Tổ chức kế toán chi phí khác.**

- **Chứng từ sử dụng:**

+Hóa đơn giá trị gia tăng

+Các chứng từ thanh toán:Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ của ngân hàng

+Phiếu kế toán

+Các chứng từ liên quan khác.

- **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 811 – Chi phí khác.

- **Kết cấu tài khoản 811**

Bên Nợ:

Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

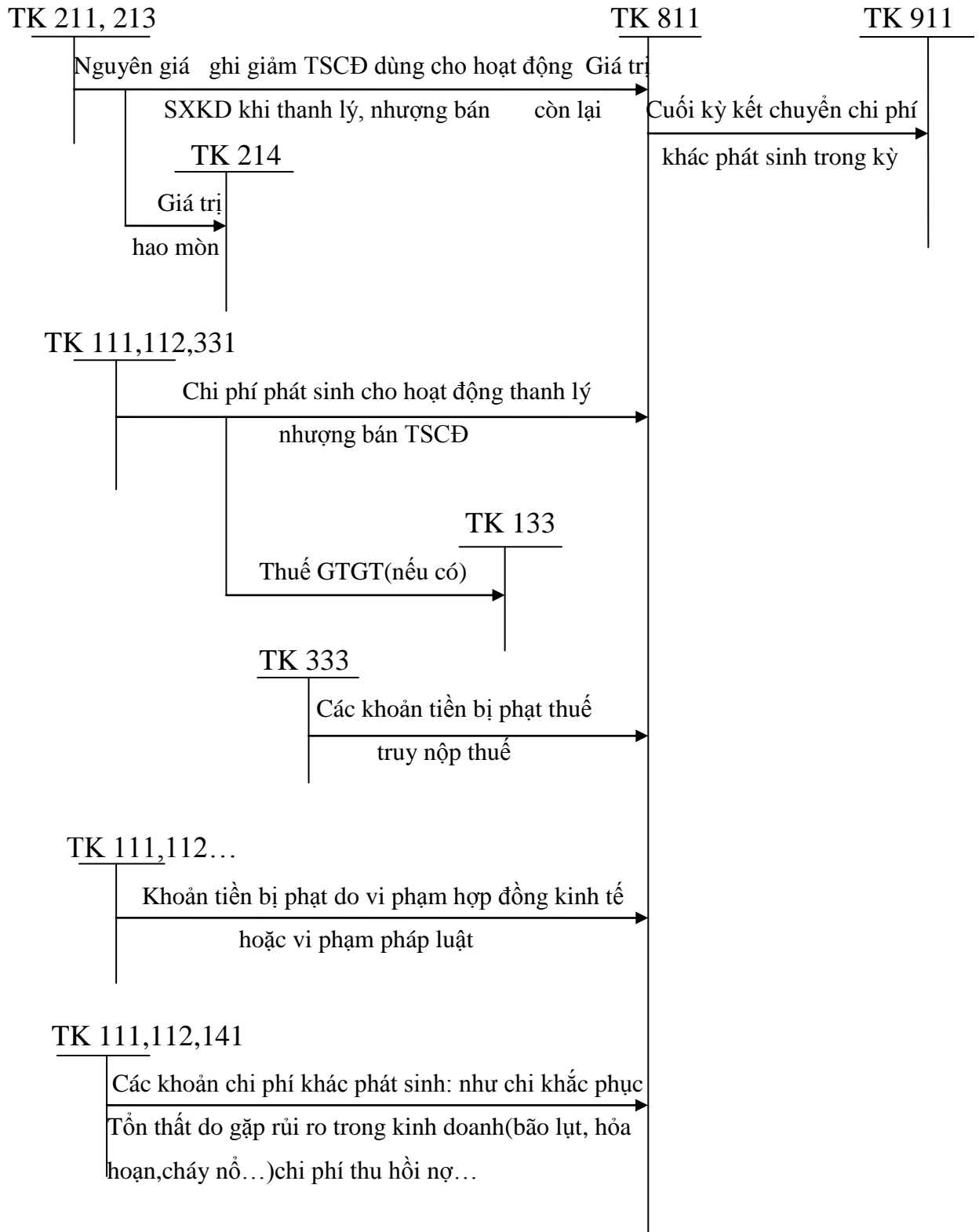
Bên Có:

-Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

- Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí khác



1.2.3.2 Tổ chức kế toán thu nhập khác

- **Chứng từ sử dụng:**

+Hóa đơn giá trị gia tăng

+Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...

+Các chứng từ liên quan khác như: Biên bản thanh lý tài sản cố định, hợp đồng kinh tế...

- **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 711 – Thu nhập khác.

- **Kết cấu tài khoản 711**

Bên Nợ:

-Số thuế GTGT phải nộp(nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

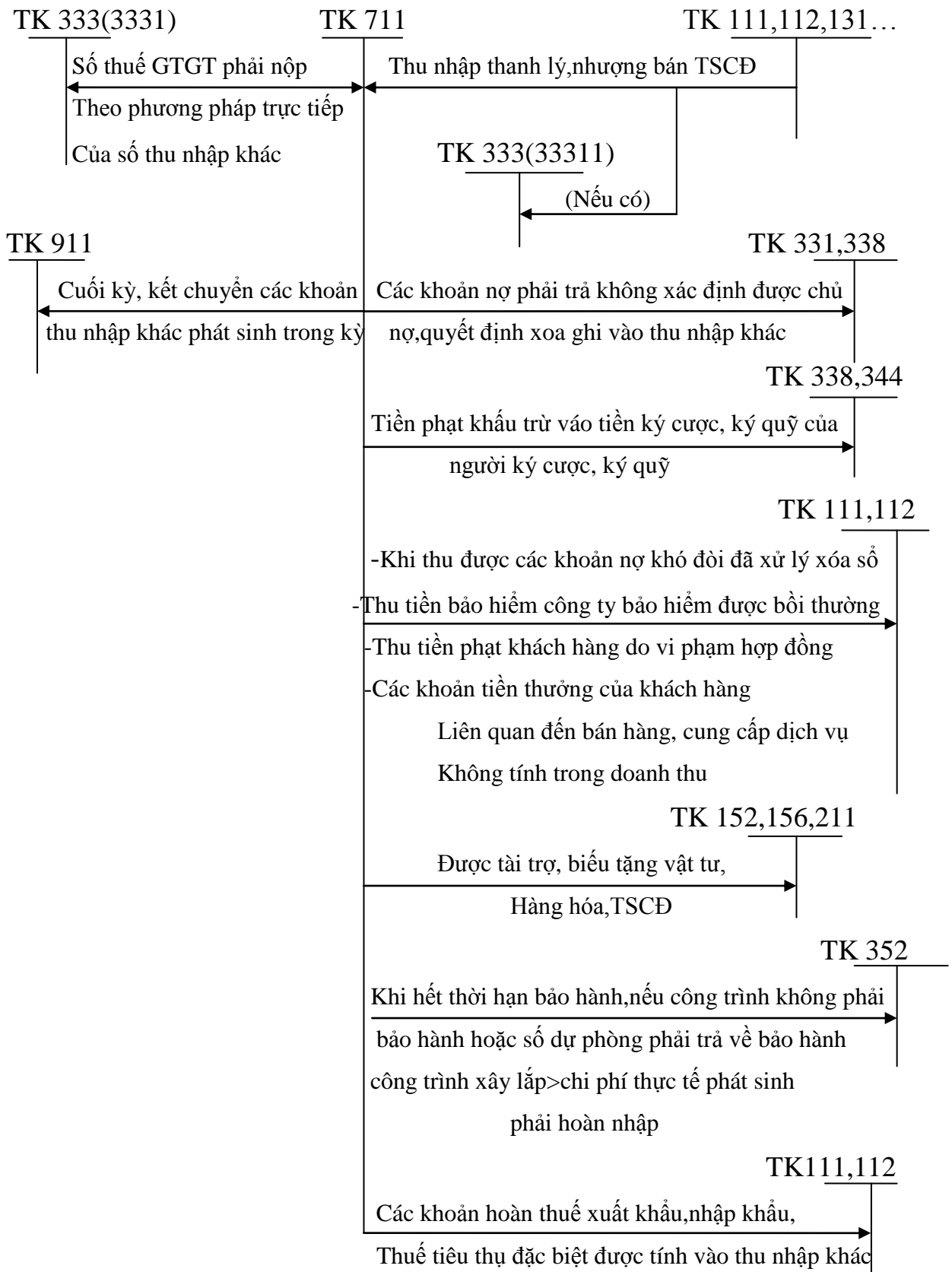
Bên Có:

-Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

-Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

- **Phương pháp kế toán**

Sơ đồ 1.9: Kế toán thu nhập khác

1.2.4 Tổ chức kế toán xác định Kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**1.2.4.1 Tổ chức kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

- **Chứng từ sử dụng:**

+Phiếu kế toán

+Các chứng từ liên quan khác

- **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

- **Kết cấu tài khoản**

Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm;

- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.

Bên Có:

-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được điều chỉnh giảm do số đã ghi nhận trong năm lớn hơn số phải nộp theo số quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm;

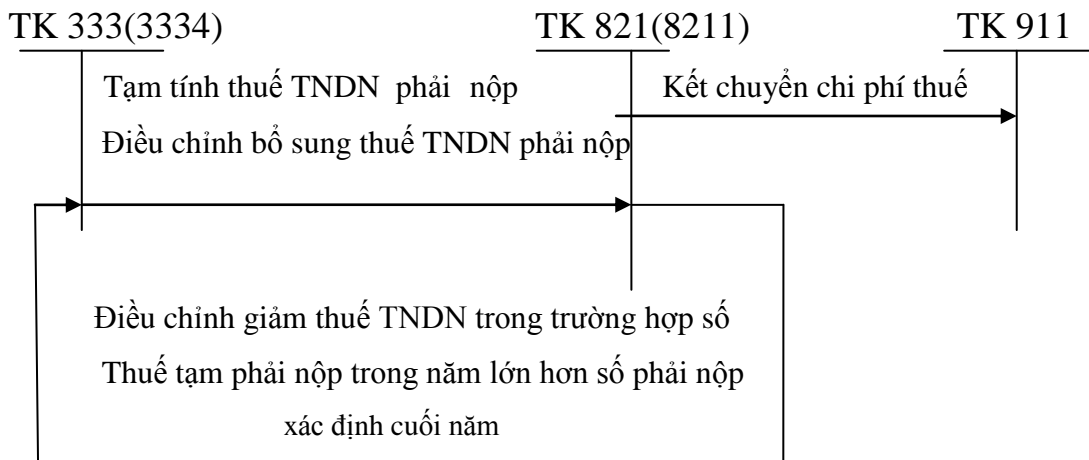
-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước;

-Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp vào bên Nợ Tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

- **Phương pháp kế toán**

Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



1.2.4.2 Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp

- **Chứng từ sử dụng:**

Phiếu kế toán

- **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TK 911 " Xác định kết quả kinh doanh" dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

- **Kết cấu tài khoản 911**

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

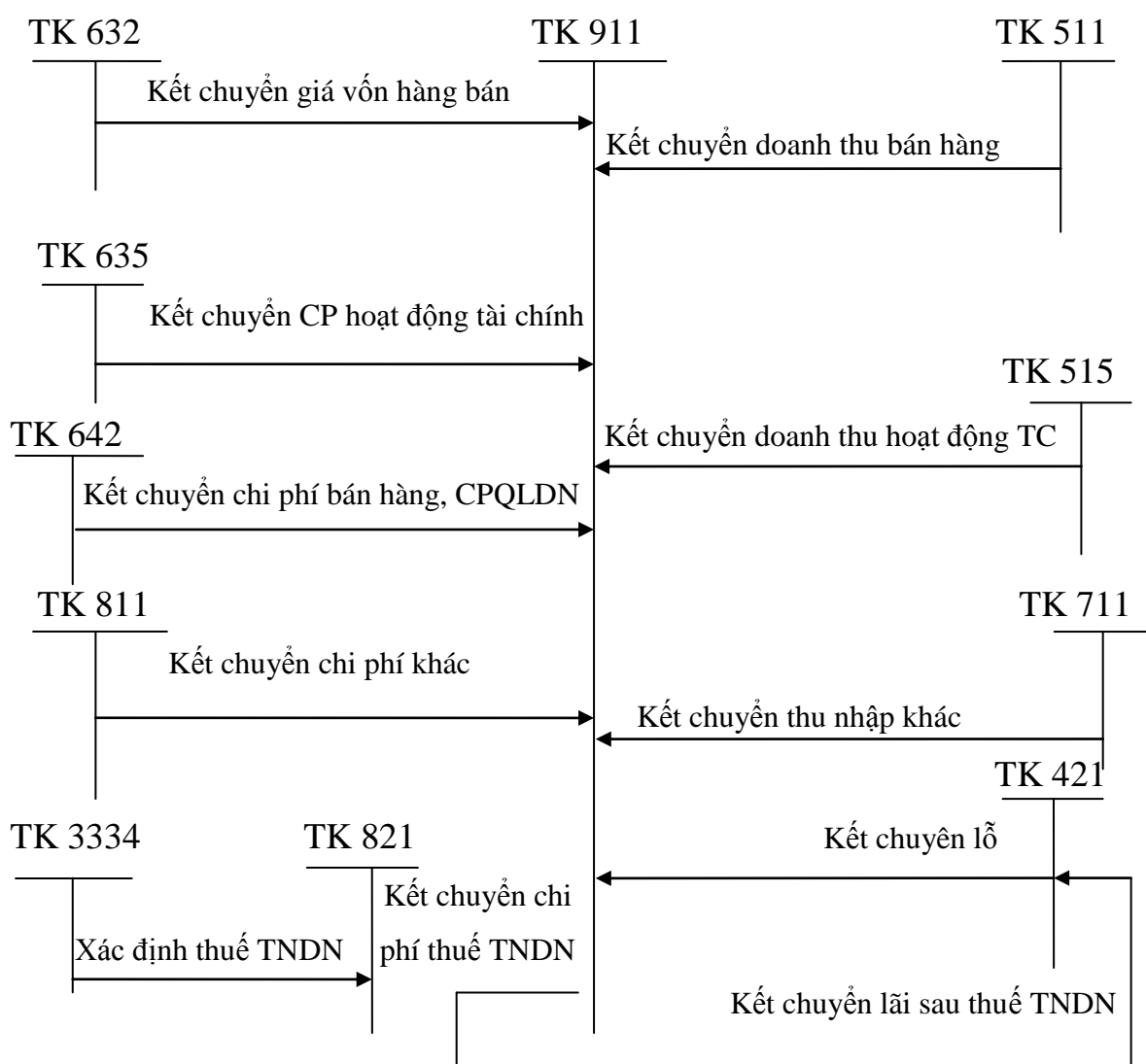
- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

- Phương pháp kế toán

Sơ đồ 1.11: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.2.5 Tổ chức sổ sách kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để ghi chép, hệ thống hoá thông tin kế toán, doanh nghiệp phải sử dụng 1 hình thức kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động SXKD của doanh nghiệp và trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có. Hiện nay, các hình thức sổ sách được áp dụng là: Nhật ký chung, Nhật ký-sổ cái, Nhật ký chứng từ, Chứng từ ghi sổ, kế toán trên máy vi tính.

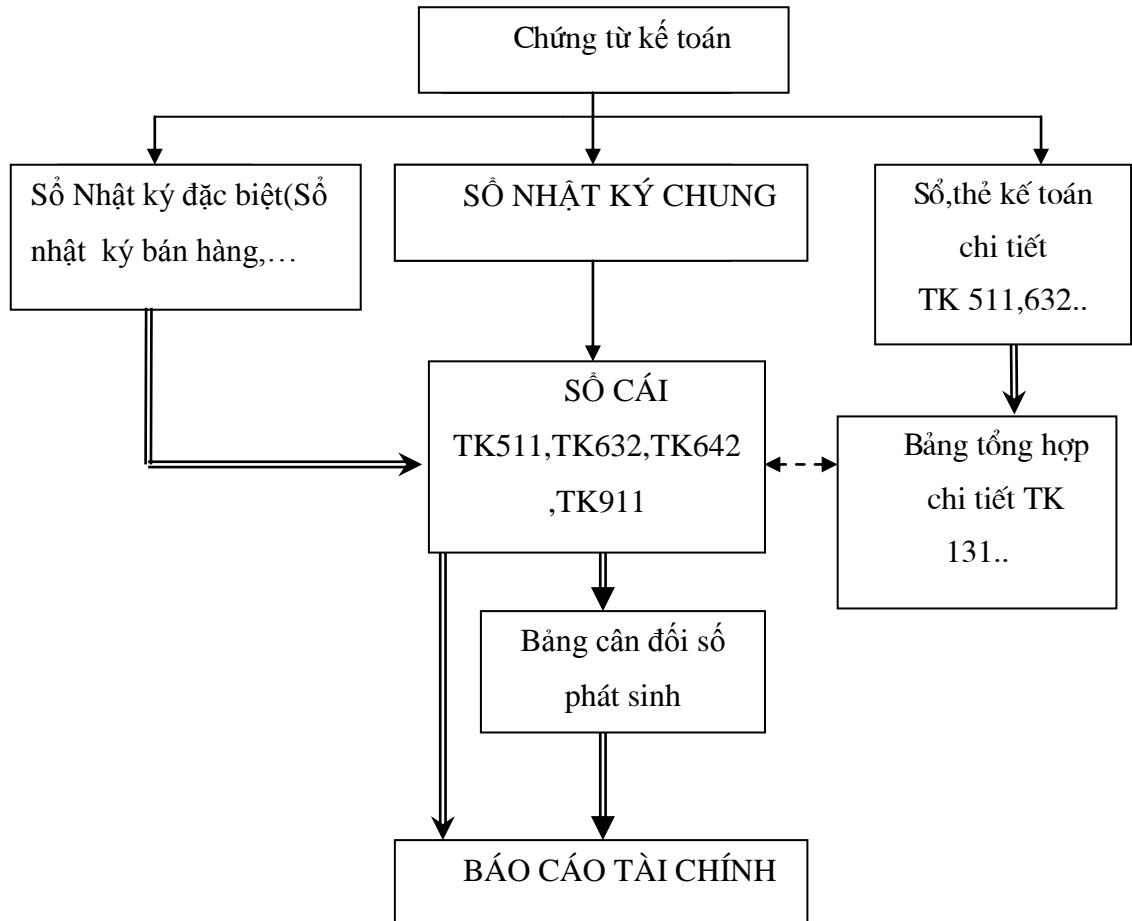
1.2.5.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Hình thức Nhật ký chung gồm có các loại sổ kế toán sau:
 - Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt;
 - Sổ cái;
 - Các sổ kế toán chi tiết

SƠ ĐỒ 1.12: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

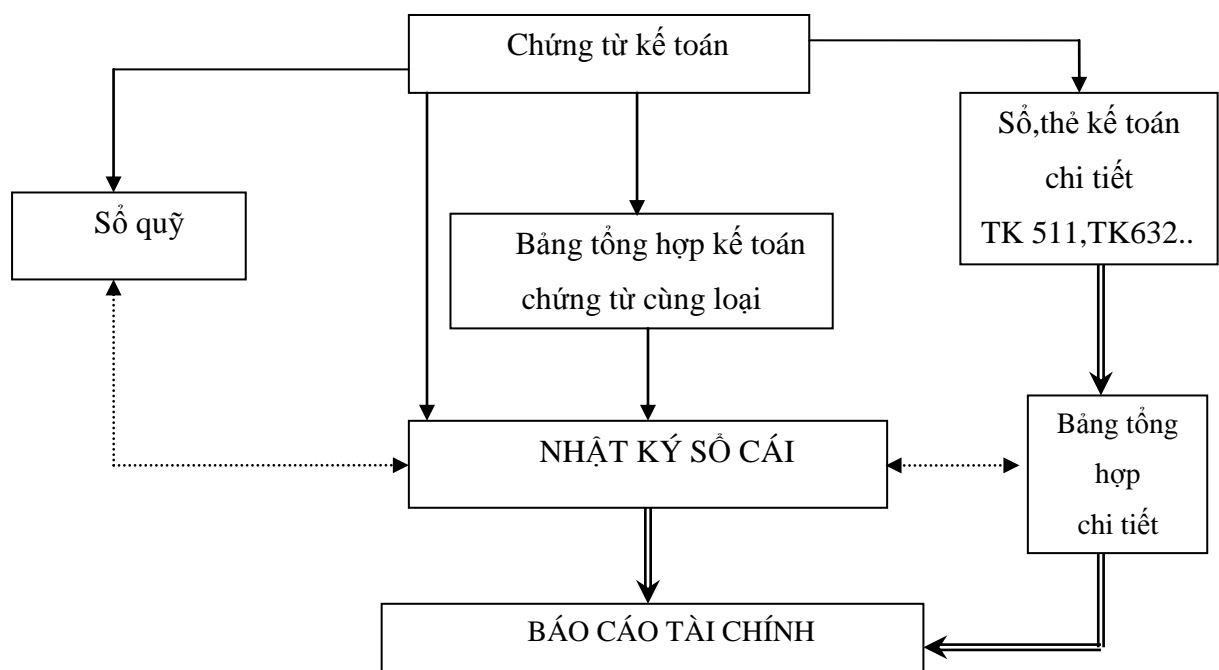
1.2.5.2 Hình thức kế toán Nhật ký-sổ cái

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Hình thức Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:
 - Nhật ký - Sổ cái;
 - Các sổ kế toán chi tiết.

SƠ ĐỒ 1.13: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ-SỔ CÁI



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.2.5.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ;

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

+ Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

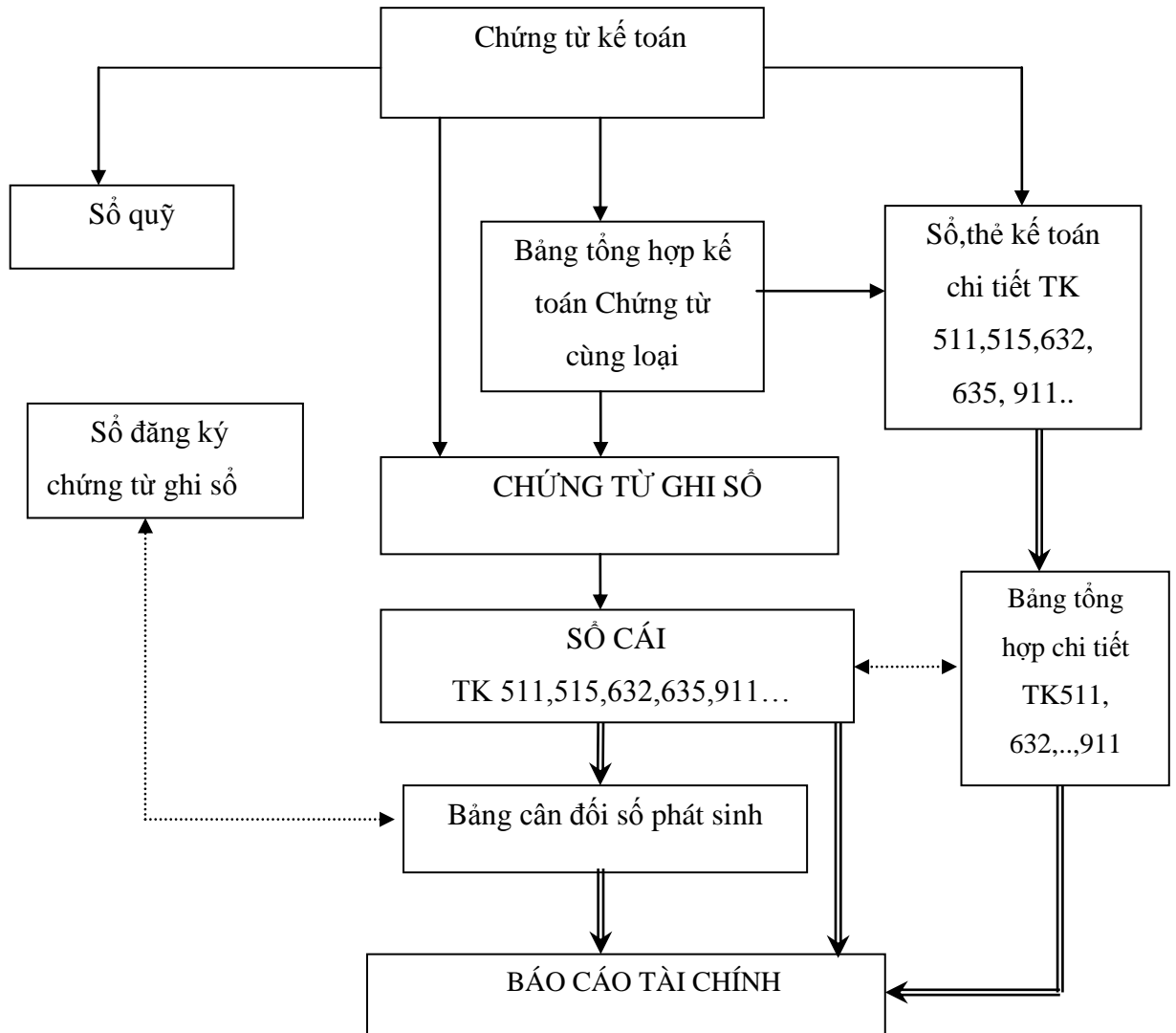
+ Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đi kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

- Hình thức Chứng từ ghi sổ có các loại sổ kế toán sau:
 - Chứng từ ghi sổ;
 - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
 - Sổ cái;
 - Các sổ kế toán chi tiết

SƠ ĐỒ 1.14: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN CHỨNG TỪ GHI SỔ



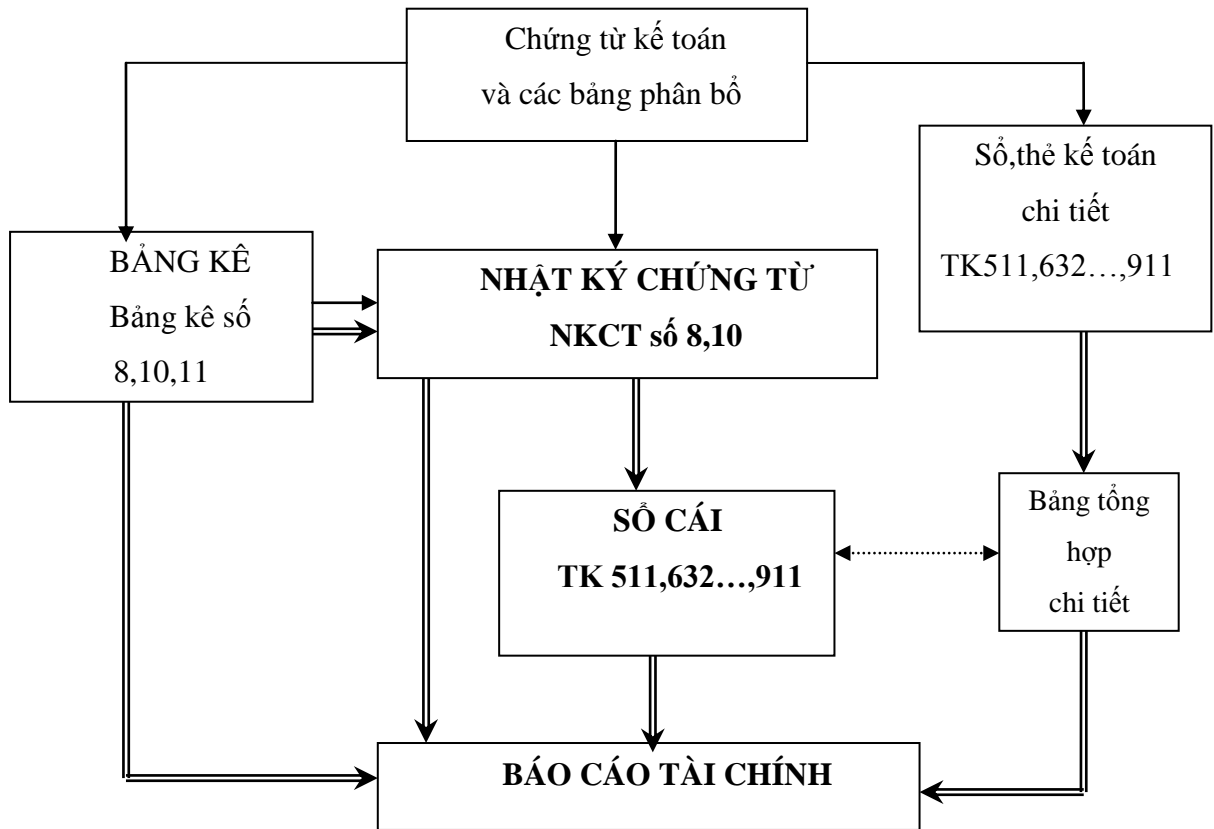
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.2.5.4 Hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ

- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký Chứng từ:
 - Tập hợp và hệ thống các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng bên Nợ.
 - Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
 - Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
 - Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.
- Hình thức Nhật ký-Chứng từ có các loại sổ kế toán sau:
 - Nhật ký chứng từ;
 - Bảng kê;
 - Sổ cái;
 - Sổ kế toán chi tiết

**SƠ ĐỒ 1.15: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ
TOÁN NHẬT KÝ CHỨNG TỪ**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

1.2.5.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

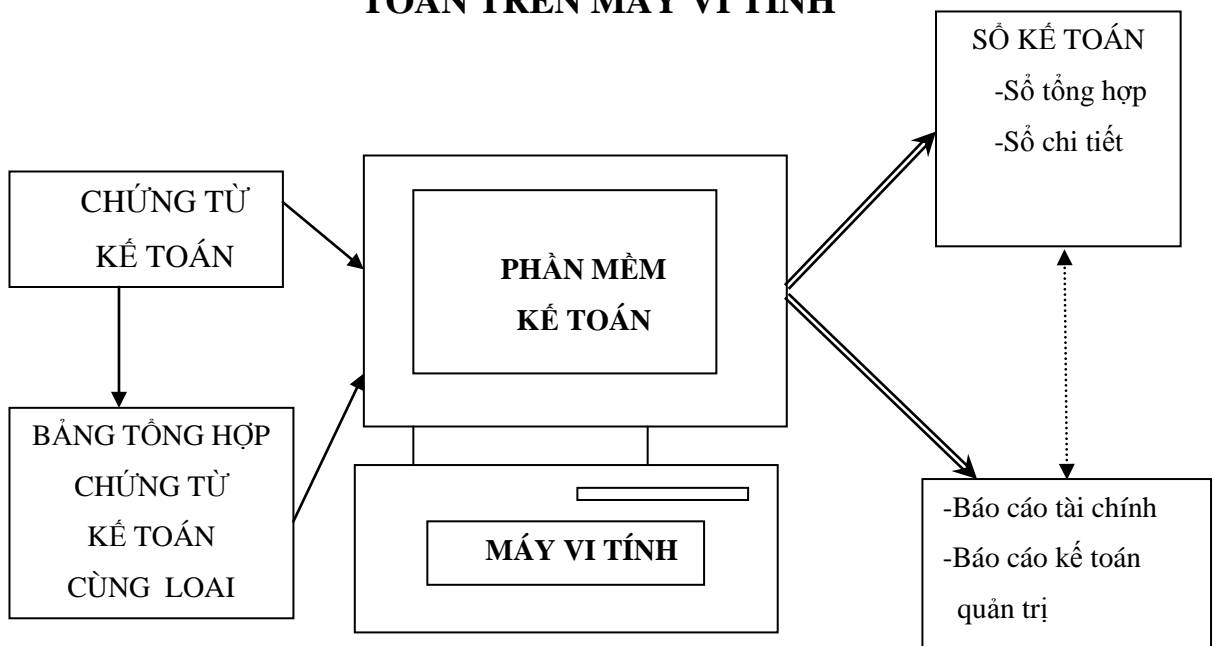
- Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

- Hình thức kế toán trên máy vi tính có các loại sổ kế toán sau:

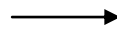
Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

SƠ ĐỒ 1.16: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH

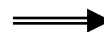


Ghi chú:

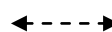
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI TB 888.****2.1 Khái quát chung về công ty Cổ phần thương mại TB 888.****2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty cổ phần thương Mại TB 888 được thành lập ngày 20 tháng 7 năm 2008 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002434 do sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp. Công ty là doanh nghiệp trong đó các thành viên tham gia cùng góp vốn và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ của mình đối với công ty tương ứng với số cổ phần đóng góp của mình. Tất cả các hoạt động kinh doanh của công ty được điều chỉnh bởi luật Doanh Nghiệp, các quy định có liên quan của Luật Pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ công ty. Công ty Cổ phần thương mại TB888 là công ty có đầy đủ tư cách pháp nhân, có con dấu riêng để giao dịch, có tài khoản mở tại ngân hàng và tự chủ trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

- Tên công ty viết bằng Tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TM 888**

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

VIET NAM EQUIPMENT & MACHINE JOINT STOCK COMPANY

- Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại

- Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh phụ liệu may, máy móc thiết bị ngành may và đúc.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 2A/177 đường Phương Lưu, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Điện thoại : 0313979251

- Mã số thuế: 0200681116

- Số tài khoản ngân hàng:24284269
- Mở tài khoản tại ngân hàng Á Châu-ACB.
- Hình thức sở hữu vốn:Công ty cổ phần-Cổ đông góp vốn.
- Vốn điều lệ:4.500.000.000 VND
- Tổng số cổ phần:450.000 Cổ phần
- Mệnh giá cổ phần:10.000 đồng (*Mười nghìn đồng Việt Nam*)-Đại hội đồng cổ đông công ty bao gồm:

STT	Họ tên	Chức danh
1	Đặng Khắc Thơ	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Ngọc Đà	Cổ đông sáng lập
3	Đoàn Huy Giang	Cổ đông sáng lập

-Tỷ lệ góp vốn của các cổ đông sáng lập Công ty:

- 1.Ông Đặng Khắc Thơ góp 2.300.000.000 đồng chiếm 230.000 cổ phần tương ứng với 51.12% tổng số vốn điều lệ.
- 2.Ông Nguyễn Ngọc Đà góp 1.100.000.000 đồng chiếm 110.000 cổ phần tương ứng với 24.44% tổng số vốn điều lệ.
- 3.Ông Đoàn Huy Giang góp 1.100.000.000 đồng chiếm 110.000 cổ phần tương ứng với 24.44% tổng số vốn điều lệ.

Từ khi mới thành lập năm 2008, Công ty cổ phần thương mại TB 888 đã gặp phải rất nhiều khó khăn và thách thức trong sản xuất kinh doanh cũng như trong công tác quản lý đội ngũ nhân viên còn non trẻ. Để đứng vững trong nền kinh tế thị trường đang ngày càng có tính cạnh tranh cao, công ty đã phải đặt ra chiến lược kinh doanh nhằm vượt qua thời gian bỡ ngỡ lúc đầu để cố gắng đưa hoạt động kinh doanh đi vào ổn định.

Trải qua nhiều năm phấn đấu và học hỏi,với tinh thần tự tin, sáng tạo, chủ động nắm bắt cơ hội, giờ đây công ty đã và đang phát triển mạnh cả về cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ quản lý, có đội ngũ công nhân viên có phẩm chất chính trị,trình độ chuyên môn, tay nghề cao và được bạn hàng tín nhiệm.

Trong hoạt động kinh doanh, công ty thực hiện hạch toán kinh tế trên cơ sở tuân thủ các chủ trương chính sách, pháp luật và các quy định về quản

lý kinh tế của nhà nước và địa phương, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi vật chất, tinh thần của người lao động trong đơn vị và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

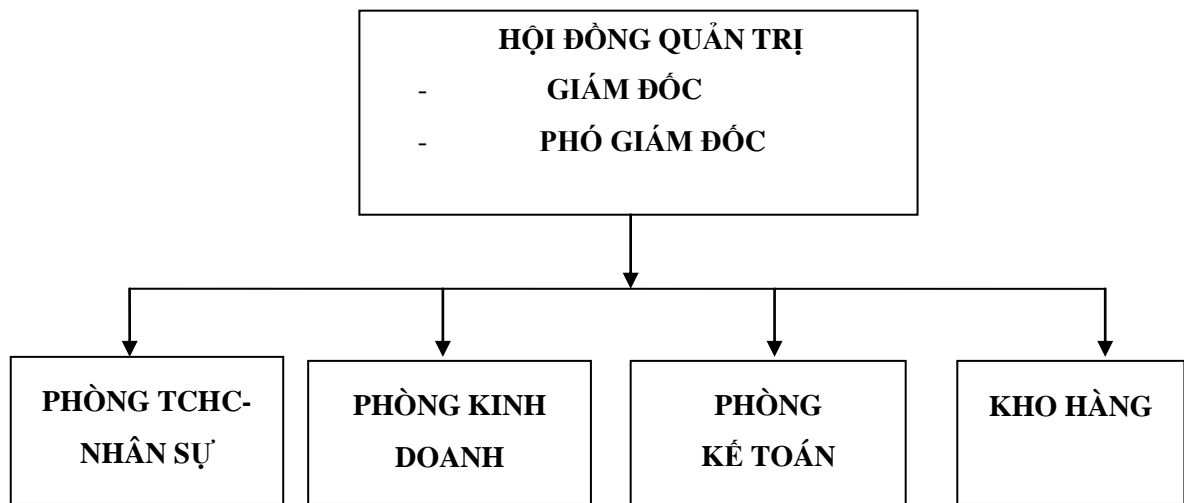
Sau rất nhiều cố gắng, nỗ lực không ngừng trong nhiều năm, công ty Cổ Phần thương mại TB888 đã có chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Với những chiến lược kinh doanh hiệu quả công ty đã có được nhiều bạn hàng tại Hải Phòng và một số tỉnh khác của cả nước.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh

Công ty Cổ phần thương mại TB 888 chuyên kinh doanh cung cấp các loại máy móc, thiết bị ngành đúc, phụ liệu may tới các doanh nghiệp. Bên cạnh đó công ty còn thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa.

2.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

2.1.3.1 Sơ đồ bộ máy tổ chức



Sơ đồ 2.1 Bộ Máy Tổ Chức

2.1.3.2 Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận.

- Hội đồng quản trị công ty

Hội đồng quản trị công ty là cơ quan quản lý công ty, có quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định chiến lược phát triển của công ty.
 - Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán các loại.
 - Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - Quyết định phương án đầu tư.
 - Quyết định biện pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ thông qua hợp đồng mua bán, cho vay và các hợp đồng có giá trị khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty.
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức giám đốc và cán bộ quản lý quan trọng khác của công ty, quyết định mức lương và các lợi ích khác của các quản lý đó.
 - Quyết định cơ cấu, tổ chức, quy chế quản lý công ty, thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của Doanh nghiệp.
 - Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu công ty, định giá Tài sản góp vốn không phải tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển, vàng.
 - Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại.
 - Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể công ty.
 - Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại điều lệ công ty và luật doanh nghiệp.
- Chủ tịch hội đồng quản trị/Giám đốc
- Hội đồng quản trị bầu chủ tịch hội đồng quản trị trong số thành viên hội đồng quản trị. Trong công ty Cổ phần Thương mại TB888 chủ tịch hội đồng quản trị kiêm giám đốc công ty.

Quyền và nghĩa vụ của chủ tịch hội đồng quản trị/giám đốc:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - Lập chương trình, chuẩn bị nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - Theo dõi các quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của hội đồng quản trị.
 - Chủ tọa cuộc họp đại hội đồng cổ đông.
 - Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.
 - Tổ chức thực hiện các quyết định liên quan của Hội đồng quản trị.
 - Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý của công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
 - Quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong công ty.
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.
- Phó giám đốc
 - Thay mặt giám đốc giải quyết các công việc được ủy quyền khi giám đốc đi công tác vắng.
 - Chịu trách nhiệm toàn bộ các hoạt động được phân công quản lý.
 - Kiểm tra xem xét việc giao khoán, thanh toán lương và công tác tổ chức lao động tiền lương.
 - Phòng kinh doanh
 - Giúp việc cho giám đốc về việc đề ra các chiến lược kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.
 - Tổ chức các hoạt động marketing nhằm thu hút bạn hàng đến với công ty, tăng hiệu quả kinh doanh.

- Phòng Tổ chức hành chính-Nhân sự

- Giúp việc cho giám đốc trong công tác tuyển chọn được những nhân viên ưu tú, có kinh nghiệm, năng động và sáng tạo vào làm việc trong công ty, quản lý hồ sơ nhân sự làm việc trong công ty.

- Phòng Kế Toán

- a) Vai trò của phòng kế toán.

- Có nhiệm vụ hạch toán kế toán các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty hàng ngày.

- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ việc quyết toán sổ sách để nộp các báo cáo liên quan, các khoản nộp ngân sách theo quy định của nhà nước.

- Sử dụng các thông tin tài chính thu thập được cung cấp cho giám đốc để kịp thời ra quyết định kinh doanh.

- Lập kế hoạch về vốn và tạo vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- b) Chức năng và nhiệm vụ của mỗi thành viên trong phòng kế toán tài vụ

- 1. Kế toán trưởng

Là người điều hành mọi công việc của phòng kế toán, trực tiếp khai thác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình giám đốc; đồng thời chịu trách nhiệm trước giám đốc về tình hình tài chính của công ty.

- 2. Thủ quỹ

Trực tiếp quản lý tiền mặt của công ty, mọi khoản thu, chi phải được thực hiện trong quy định của công ty, quỹ tiền mặt và có chứng từ. Cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời Thu-Chi-Tồn quỹ vào Sổ quỹ tiền mặt, báo cáo khi cần cho Giám đốc hoặc Kế toán trưởng.

2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần thương mại TB 888

- a) Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ.

b) Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2012 kết thúc vào ngày 31/12/2012
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: **Việt Nam đồng**

* Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc.

* Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

* Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

c) Hình thức tổ chức hệ thống sổ sách kế toán:

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật Ký Chung. Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung công ty sử dụng gồm các loại sổ sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

d) Hệ thống các chứng từ kế toán thống nhất bắt buộc gồm:

- Các loại hóa đơn: Hóa đơn mua hàng, hóa đơn bán hàng.
- Phiếu thu, phiếu chi
- Bảng thanh toán tiền lương

e) Hệ thống Báo Cáo tài chính của công ty được lập theo quy định của Nhà nước gồm 4 biểu mẫu báo cáo sau:

- | | |
|--------------------------------|------------|
| -Bảng Cân Đối kế toán | MS B01-DNN |
| -Báo Cáo Quả Kinh Doanh | MS B02-DNN |
| -Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ | MS B03-DNN |
| -Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính | MS B05-DNN |

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại TB 888.

2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí, doanh thu hoạt động bán hàng

2.2.1.1 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí của hoạt động bán hàng

a) Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán giá vốn hàng xuất kho. Giá vốn hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Theo phương pháp này giá thực tế của hàng xuất kho được tính theo công thức sau:

Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá Xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP,HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP,HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP,HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP,HH nhập trong kỳ}}$$

Khi khách hàng có nhu cầu mua hàng, kế toán sẽ xuất hóa đơn GTGT, sau đó chuyển xuống kho để thủ kho lập phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

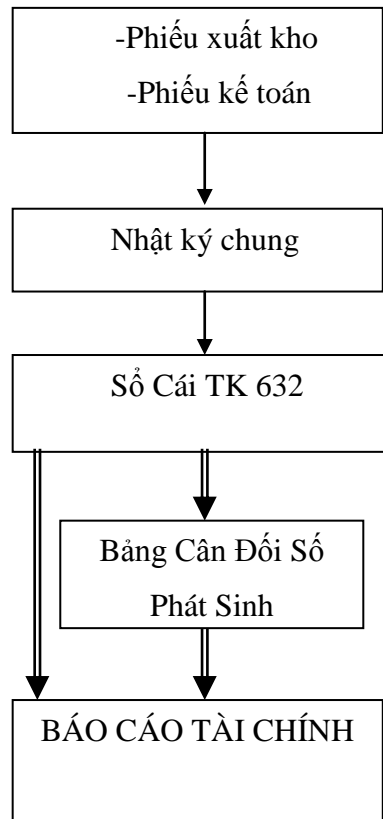
- Liên 1: Lưu tại nơi lập phiếu
- Liên 2: Thủ kho giữ để ghi sổ rồi chuyển giao cho kế toán vào sổ kế toán.
- Liên 3: Giao cho người nhận hàng.

* Tài khoản sử dụng:

- TK 632 – Giá vốn hàng bán.
- TK 156
- TK 111,112...

* Chứng từ sử dụng:

- Phiếu nhập kho hàng hóa
- Bảng kê bán hàng
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, séc chuyển khoản, giấy báo có của ngân hàng.

***Quy trình kế toán giá vốn hàng bán**

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <- - - ->

Sơ đồ 2.2: Quy trình kế toán Giá Vốn Hàng Bán

- **Khảo sát số liệu quý IV năm 2012:**

Ngày 19 tháng 12 năm 2012 xuất bán 175 kg thiếc hàn thanh cho công ty Cổ phần Cơ khí đúc Thành Long theo hóa đơn số 0000018, đơn giá là 450.000/kg (chưa thuế GTGT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

Căn cứ vào phiếu xuất kho (Biểu 2.1), cuối kỳ kế toán lập phiếu kế toán (Biểu 2.2) và căn cứ vào phiếu Kế toán, kế toán ghi sổ Nhật ký chung TK 632 (Biểu 2.3) và sổ cái TK 632 (Biểu 2.4).

Biểu số 2.1: Phiếu xuất kho

Mẫu số: 02-TT

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN TM TB888 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

1-Hải An-Hải Phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 19 tháng 12 năm 2012

Số 018

Nợ TK :632

Có TK: 1561

-Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Đại

-Địa chỉ: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỨC HOÀNG LONG

-Lý do xuất kho: bán thiếc hàn thanh cho công ty CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỨC HOÀNG LONG

-Xuất tại kho (ngăn lô):K1

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
	Thiếc hàn thanh	HH01	kg	175	175		

-Tổng số tiền (viết bằng chữ):.....

-Số chứng từ gốc kèm theo:HD 0000018.....

Ngày 19 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng kế toán)

Biểu số 2.2: Phiếu kế toán.**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1****- Hải An-Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2012****Số: 129**

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
...
...	Giá vốn hàng bán thiếc hàn thanh cho công ty Cổ phần Cơ khí Đức Hoàng Long ngày 19/12-PXK018	632	1561	61.554.850

	Giá vốn hàng bán thiếc hàn thanh cho công ty TNHH LUXXX VIỆT NAM ngày 22/12-PXK019	632	1561	36.932.910

	Tổng cộng tháng 12			168.797.000

Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi bảy ngàn đồng chẵn./

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán)

Biểu 2.3: Trích Sổ Nhật ký chung**SỔ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG****Mẫu số: S03a-DN****CÔNG TY CỔ PHẦN TM TB888****(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC****Địa chỉ: Số 2A/177 Phương Lưu 2****ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)****- Hải An- Hải Phòng****TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số Tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
1/12	GBC134	1/12	Nộp tiền vào tài khoản	1121	12.000.000	
				1111		12.000.000
			...			
15/12	PC043	15/12	Thanh toán tiền điện thoại	6422	843.427	
				1331	84.343	
				1111		927.770
19/12	HD 0000018	19/12	Xuất bán thiếc hàn thanh cho công ty Cổ phần Cơ khí Đức Hoàng Long	131	86.625.000	
				511		78.750.000
				3331		7.875.000
...
24/12	GBC204	24/12	Nộp tiền vào tài	1121	537.000.000	

			khoản	1111		537.000.000
	
31/12	PKT129	31/12	Giá vốn hàng bán thiếc hàn tháng 12	632	168.797.000	
				1561		168.797.000
31/12	PKT134	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý IV	911	657.287.782	
				632		657.287.782
			
			Cộng phát sinh cả năm		36.977.087.321	36.977.087.321

Ngày tháng năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán)

Biểu số 2.4:Trích Sổ Cái TK 632**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1
48/2006/QĐ-BTC- Hải An-Hải Phòng
Bộ trưởng BTC)****Mẫu số:S03b-DN****(Ban hành theo QĐ số
ngày 14/9/2006 của****SỔ CÁI****Tài khoản:Giá vốn hàng bán****Số hiệu:632**

Quý IV Năm 2012

Đơn vị tính:VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số Tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
31/12	PKT129	31/12	Trị giá vốn thiếc hàn thanh tháng 12	156	168.797.000	
...
31/12	PKT134	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý IV	911		657.287.782
			Cộng phát sinh		657.287.782	657.287.782

Ngày tháng năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng kế toán)

b) Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh.*** Tài khoản sử dụng:**

-Tài khoản 642- Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2 là:

Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng

Tài khoản 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Hiện nay tại công ty chỉ phát sinh nghiệp vụ liên quan đến TK 6422.

-TK 1111

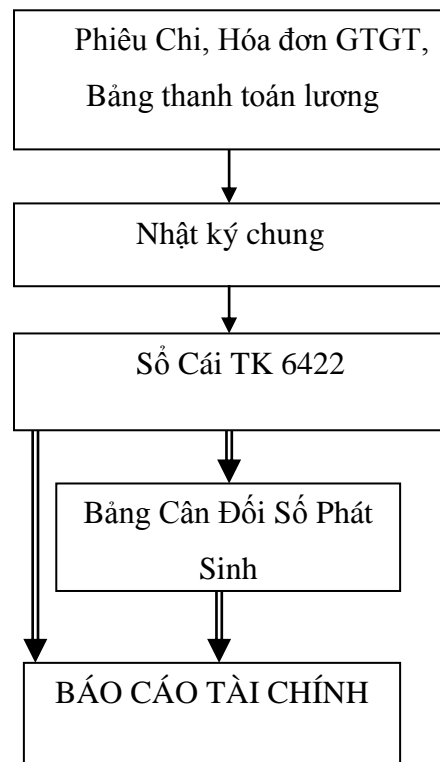
*** Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT, hóa đơn thu phí dịch vụ

- Phiếu chi.

- Ủy nhiệm chi.

- Phiếu kế toán.

***Quy trình kế toán:**

Sơ đồ 2.3: Quy trình kế toán Chi phí quản lý Doanh Nghiệp

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Căn cứ vào số liệu trên Sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 6422 và các sổ cái có liên quan. Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái TK 6422 kế toán lập bảng cân đối số phát sinh.

Khảo sát số liệu quý IV năm 2012:

-Ngày 15 tháng 12 năm 2012 công ty thanh toán tiền điện thoại tháng 11 năm 2012 là 843.427 đồng chưa VAT 10%. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT(biểu số 2.5) kế toán ghi phiếu chi số 043(Biểu số 2.6).

-Ngày 31 tháng 12 năm 2012 công ty trả lương cán bộ công nhân viên là 23.761.153 đồng.

Căn cứ vào bảng thanh toán lương(Biểu số 2.7) và danh sách lao động và quỹ tiền lương trích nộp bảo hiểm xã hội tháng 12 năm 2012(Biểu số 2.8), kế toán ghi vào phiếu kế toán (Biểu số 2.9, Biểu số 2.10, Biểu số 2.11), phiếu chi tiền lương (Biểu số 2.12)

- Từ các chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu 2.13)
- Căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 6422 (biểu 2.14)

Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) Mẫu số:01GTKT2/002**

Liên 2 : Giao khách hàng

Ký hiệu:AB/12P

Thùng số: 01733

Số: 3464943

**TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI**

Số 1-Giang Văn Minh-Ba Đình-Hà Nội

Mã số thuế:

0	1	0	0	1	0	9	1	6			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Số TK:..... Tại ngân hàng:.....

Đơn vị thu: Chi nhánh Viettel Hải phòng-Tập đoàn viễn thông quân đội

Tên khách hàng: Công ty cổ phần thương mại TB 888...MST... 0200681116

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần thương mại TB 888

Địa chỉ:Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1- Hải An-Hải Phòng

Số thuê bao: 0983542168

Kỳ cước: tháng 11 năm 2012

Số hợp đồng:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

DIỄN GIẢI	MÃ DV	TIỀN DỊCH VỤ	THUẾ SUẤT (%)	TIỀN THUẾ	CỘNG
Tiền cước trả sau	098	843.427	10%	84.343	927.770
Cộng					927.770
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:					
SỐ TIỀN VIẾT BẰNG CHỮ: Chín trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng chẵn./					

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Người nộp tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nhân viên giao dịch
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn : Phòng kế toán)

Biểu số 2.6: Phiếu chi**Công Ty Cổ phần TM TB888**

Mẫu số: 02-TT

Địa chỉ: Số 2A/177 Phương Lưu 2- Đông hải
- Hải An- Hải Phòng(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ TrưởngBTC)**PHIẾU CHI**

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Số 043

Nợ TK 642 : 843.427

Nợ TK 1331: 84.343

Có TK111: 927.770

Họ tên người nhận tiền : Tổng công ty viễn thông Quân Đội.

Địa chỉ : Số 1 Giang Văn Minh- Ba Đình-Hà Nội

Lý do chi : Thanh toán tiền cước điện thoại

Số tiền : 927.770 (*Viết bằng chữ*): Chín trăm hai mươi bảy
ngàn, bảy trăm bảy mươi đồng chẵn./

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

Giám đốc	Kế toán	Người nộp	Người lập	Thủ quỹ
(<i>Ký, họ</i>	trưởng	tiền	phiếu	
<i>tên, đóng</i>	(<i>Ký, họ</i>	(<i>Ký, họ</i>	(<i>Ký, họ</i>	(<i>Ký, họ</i>
<i>dấu)</i>	<i>tên)</i>	<i>tên)</i>	<i>tên)</i>	<i>tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (*Viết bằng chữ*): Chín trăm hai mươi bảy ngàn, bảy trăm
bảy mươi đồng chẵn./

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn : Phòng kế toán)

Biểu số 2.7: Bảng thanh toán lương

Công Ty Cổ phần TM TB888

Địa chỉ: Số 2A/177 Phương Lữ 2- Đông hải

- Hải An- Hải Phòng

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG**Tháng 12 năm 2012**

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Họ và tên	Chức Vụ	Lương Cơ bản	NC TT	Tiền lương	Phụ cấp	Tổng Thu Nhập	Các khoản phải trừ			Thực lĩnh	Ký nhận
								Tạm ứng	BH XH	BH YT		
1	Đặng Khắc Thơ	GĐ	4.800.000	23	4.246.153	753.000	4.999.153		336.000	72.000	4.591.153	
2	Nguyễn Ngọc Đà	PGĐ	4.300.000	26	4.300.000	550.000	4.850.000		301.000	64.500	4.484.500	
3	Lê Thị Hải An	TP KD	3.500.000	26	3.500.000	500.000	4.000.000		245.000	52.500	3.702.500	
4	Phạm Mai Hương	KTT	3.000.000	26	3.000.000	450.000	3.450.000		210.000	45.000	3.195.000	
5	Đặng Khắc Vinh	NV HC	2.200.000	26	2.200.000	400.000	2.600.000		154.000	33.000	2.413.000	

6	Đặng Thị Nam	TK	2.500.000	26	2.500.000	400.000	2.900.000		175.000	37500	2.687.500	
7	Hoàng Thị Ni	TQ	2.500.000	26	2.500.000	400.000	2.900.000		175.000	37500	2.687.500	
	Tổng		22.800.000		22.246.153	3.453.000	25.699.153		1.596.000	342.000	23.761.153	

Hải Phòng ngày tháng năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng kế toán)

Biểu số 2.8: Danh sách lao động và quỹ tiền lương trích nộp BHXH

BHXH TP HẢI PHÒNG
BHXH QUẬN HẢI AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH LAO ĐỘNG VÀ QUỸ TIỀN LƯƠNG TRÍCH NỘP BHXH

Tháng 12 năm 2012

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần thương mại TB888

STT	Họ và tên	Chức Vụ	Số số BH XH	Địa chỉ	Nơi đăng ký KCB	Tiền lương đóng BHXH		Mức trích nộp				Tổng số BHXH (28,5%)	Ghi chú
						Lương CB	Phụ cấp	Chi phí HKKD		Trừ lương CBCNV			
								BH XH (17%)	BH YT (3%)	BH XH (7%)	BH YT (1.5%)		
1	Đặng Khắc Thơ	GD			Bệnh viện Ngô Quyền	4.800.000		816.000	144.000	336.000	72.000	1.368.000	
2	Nguyễn Ngọc Đà	PGĐ				4.300.000		731.000	129.000	301.000	64.500	1.225.500	
3	Lê Thị Hải An	TPKD				3.500.000		595.000	105.000	245.000	52.500	997.500	
4	Phạm Mai Hương	KTT				3.000.000		510.000	90.000	210.000	45.000	855.000	
5	Đặng Khắc Vinh	NV HC				2.200.000		374.000	66.000	154.000	33.000	627.000	
6	Đặng Thị Nam	TK				2.500.000		425.000	75.000	175.000	37.500	712.500	
7	Hoàng Thị Ni	TQ				2.500.000		425.000	75.000	175.000	37.500	712.500	
	Tổng					22.800.000		3.876.000	684.000	1.596.000	342.000	6.498.000	

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG QUỸ TIỀN LƯƠNG TRÍCH NỘP BHXH

Số Lao động 07 người Quỹ lương: 22.800.000 BHXH phải nộp: 6.498.000

Hải Phòng ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng kế toán)

Biểu số 2.9: Phiếu kế toán.**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1****- Hải An-Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2012****Số: 130**

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Tập hợp chi phí tiền lương	6422	334	25.699.153
	Tổng cộng			25.699.153

Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi chín ngàn, một trăm năm mươi ba đồng chẵn./

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng kế toán)

Biểu số 2.10: Phiếu kế toán.**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1****- Hải An-Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2012****Số: 131**

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Trích các khoản theo lương	6422	3383	3.876.000
		6422	3384	684.000
	Tổng cộng			4.560.000

Bằng chữ: Bốn triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn./

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán)

Biểu số 2.11: Phiếu kế toán.**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1****- Hải An-Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2012****Số: 132**

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Khấu trừ lương CBCNV	334	3383	1.596.000
		334	3384	342.000
	Tổng cộng			1.938.000

Bằng chữ: Một triệu chín trăm ba mươi tám ngàn đồng chẵn./

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán)

Biểu số 2.12: Phiếu chi**Công Ty Cổ phần TM TB888**

Mẫu số: 02-TT

Địa chỉ: Số 2A/177 Phương Lưu 2- Đông hải
- Hải An- Hải Phòng(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ TrưởngBTC)**PHIẾU CHI**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 050

Nợ TK 334: 23.761.153

Có TK111: 23.761.153

Họ tên người nhận tiền: Lê Thị Hải An

Địa chỉ : Công ty Cổ phần thương mại TB 888

Lý do chi : Thanh toán lương CBCNV tháng 12

Số tiền : 23.761.153 (*Viết bằng chữ*): Hai mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi một ngàn, một trăm năm mươi ba đồng chẵn./

Kèm theo: : chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giám đốc	Kế toán	Người nộp	Người lập	Thủ quỹ
(<i>Ký, họ</i>	trưởng	tiền	phiếu	
<i>tên, đóng</i>	(<i>Ký, họ</i>	(<i>Ký, họ</i>	(<i>Ký, họ</i>	(<i>Ký, họ</i>
<i>dấu</i>)	<i>tên</i>)	<i>tên</i>)	<i>tên</i>)	<i>tên</i>)

Đã nhận đủ số tiền (*Viết bằng chữ*): Hai mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi một ngàn, một trăm năm mươi ba đồng chẵn./

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn : Phòng kế toán)

Biểu số 2.13: Trích sổ Nhật ký chung**SỞ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG****Mẫu số: S03a-DN****CÔNG TY CỔ PHẦN TM TB888****(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC****Địa chỉ: Số 2A/177 Phương Lưu 2****ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)****- Hải An- Hải Phòng****TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2012

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu Tk	Số Tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
1/12	GBC134	1/12	Nộp tiền vào tài khoản	1121	12.000.000	
				1111		12.000.000
15/12	HD 3464943	15/12	Thanh toán tiền điện thoại	6422	843.427	
				1331	84.343	
				1111		927.770
			
24/12	GBC204	24/12	Nộp tiền vào tài khoản	1121	537.000.000	
				111		537.000.000
				
31/12	PKT130	31/12	Tập hợp chi phí lương	6422	25.699.153	
				334		25.699.153
31/12	PKT131	31/12	Trích BHXH	6422	3.876.000	

				3383		3.876.000
31/12	PKT132	31/12	Khấu trừ lương CBCNV	334	1.596.000	
				3383		1.596.000
31/12	PKT131	31/12	Trích BHYT	6422	684.000	
				3384		684.000
31/12	PKT132	31/12	Khấu trừ lương CBCNV	334	342.000	
				3384		342.000
31/12	PC050	31/12	Thanh toán lương CBCNV	334	23.761.153	
				1111		23.761.153
31/12	PK T134	31/12	Kết chuyển CPQLDN quý IV	911	93.249.422	
				6422		93.249.422
		
			Cộng phát sinh năm		36.977.087.321	36.977.087.321

Ngày tháng năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng kế toán)

Biểu số 2.14: Sổ cái TK 6422**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Mẫu số:S03b-DN****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Hải An-Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)****SỔ CÁI****Tài khoản:Chi phí quản lý doanh nghiệp****Số hiệu:6422****Quý IV Năm 2012****Đơn vị tính:VNĐ**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số Tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	
15/12	PC043	15/12	Thanh toán tiền điện thoại	1111	843.427	
	
31/12	PKT130	31/12	Tập hợp chi phí lương	334	25.699.153	
31/12	PKT131	31/12	Trích BHXH	3383	3.876.000	
31/12	PKT131	31/12	Trích BHYT	3384	684.000	
		
31/12	PKT134	31/12	Kết chuyển CPQLDN quý IV	911		93.249.422
			Cộng phát sinh		93.249.422	93.249.422

Ngày tháng năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng kế toán)

2.2.1.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu hoạt động bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty Cổ phần thương mại TB 888.

Doanh thu bán hàng của công ty Cổ phần thương mại TB 888 chủ yếu là từ cung cấp máy móc, thiết bị dùng trong ngành đúc và phụ liệu may.

*Chứng từ sử dụng:

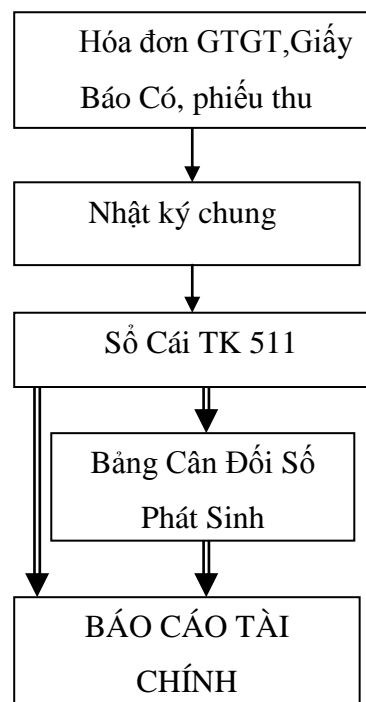
- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác

*Tài khoản sử dụng:

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

*Quy trình kế toán:



Sơ đồ 2.4: Quy Trình Kế Toán Doanh thu Bán hàng

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←- - ->

Hàng ngày khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, căn cứ vào hóa đơn GTGT và hình thức thanh toán của khách hàng (căn cứ theo hợp đồng kinh tế giữa bên bán và bên mua) kế toán lập chứng từ gốc có liên quan: Phiếu thu nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, Giấy báo có của ngân hàng nếu thanh toán bằng chuyển khoản.... Từ các chứng từ gốc trên kế toán tập hợp vào sổ Nhật ký chung. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 511, cuối kỳ lấy căn cứ lập bảng cân đối số phát sinh, lập báo cáo tài chính.

Khảo sát số liệu quý IV năm 2012:

-Ngày 19 tháng 12 năm 2012 xuất bán 175 kg thiếc hàn thanh cho công ty cổ phần Cơ khí Đúc Hoàng Long theo hóa đơn số 0000018, đơn giá bán là 450.000/kg(chưa thuế GTGT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

-Ngày 25 tháng 12 năm 2012 công ty Cổ phần Cơ khí Đúc Hoàng Long thanh toán tiền hàng với số tiền là 86.625.000 đồng.

* Căn cứ vào HĐ GTGT ngày 19 tháng 12 (Biểu số 2.15) kế toán giao hàng cho bên mua theo biên bản giao nhận vật tư hàng hóa;

*Căn cứ vào giấy Báo Có của ngân hàng (Biểu số 2.16)

Kế toán tập hợp vào:

-Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.17), từ sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ Cái TK 511(Biểu số 2.18).

Biểu số 2.15 : Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số:01GTKT3/001		
Liên 3:Nội Bộ		Kýhiệu(Serial):AA/12P		
Ngày 19 tháng 12 năm 2012		Số(No): 0000018		
Đơn vị bán hàng (Sale Company): CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888				
Mã số thuế (Tax code): 0200681116				
Địa chỉ (Address):2A, ngõ 177, Phương Lưu 2, P.Đông Hải 1,Q.Hải An, Hải Phòng				
Điện thoại(Tel): 0313.631106		Fax:0313.979251		
Số tài khoản(Account No): 24284269 Ngân hàng ACB - Chi nhánh Hải Phòng				
Họ tên người mua hàng:CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỨC HOÀNG LONG				
Mã số thuế (Tax code): 0200630344				
Địa chỉ (Address): Xóm 7, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, Hải phòng				
Hình thức thanh toánSố tài khoản.....				
Tên hàng hóa,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2	3	4	5	6
Thiếc hàn thanh	Kg	175	450.000	78.750.000
Cộng tiền hàng: 78.750.000				
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT: 7.875.000		
Tổng cộng tiền thanh toán:86.625.000				
Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng chẵn./				
Khách hàng(Buyer)			Người bán hàng(Seller)	
(Ký,ghi rõ họ tên)			(Ký,ghi rõ họ tên)	
Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn				

(Nguồn : Phòng kế toán)

Biểu số 2.16: Giấy Báo Có**NGÂN HÀNG NN VÀ PTNT HAI PHONG****GIẤY BÁO CÓ****Ngày 25 tháng 12 năm 2012**

Số tham chiếu :32285TT222300045

Loại giao dịch :Lệnh chuyển có giá trị cao

Số giao dịch :2385610

Ngân hàng gửi lệnh : NH NN và PTNT chi nhánh Thủy Nguyên

Mã NH:IKO4208 TK nợ

Ngân hàng nhận : NH Á Châu ACB-chi nhánh Hải Phòng

Mã NH:31201005 TK có

Người phát lệnh : CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỨC HOÀNG LONG

Địa chỉ/số CMND : Xóm 7, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng

Tài khoản :033838383888 Tại NH: Nông Nghiệp và PTNT chi nhánh Thủy Nguyên

Người nhận lệnh :CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB 888

Địa chỉ/số CMND : 2A, ngõ 177, Phương Lưu 2, P.Đông Hải 1,Q. Hải An, Hải Phòng

Tài khoản :24284269 Tại NH: Á Châu ACB-chi nhánh Hải Phòng

Mã số thuế: 0200681116

Chương, loại, khoản, mục :

Nội dung : CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỨC HOÀNG LONG THANH TOÁN TIỀN
HÀNG

Số tiền bằng số :86.625.000

Số tiền bằng chữ : Tám mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng chẵn./

Thời gian đến: 25/12/2012 15:36:15

Ngày nhận : 25/12/2012 15:52:52

Ngày in : 25/12/2012 15:54: 26

THANH TOÁN VIÊN

KIỂM SOÁT

CHỦ TÀI KHOẢN

(Nguồn : Phòng kế toán)

Biểu số 2.17: Trích sổ Nhật ký chung
SỔ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TM TB888
Địa chỉ: Số 2A/177 Phương Lưu 2
- Hải An- Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu Tk	Số Tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
1/12	GBC 134	1/12	Nộp tiền vào tài khoản	1121 1111	12.000.000	12.000.000
15/12	HD 3464943	15/12	Thanh toán tiền điện thoại	6422 1331 1111	843.427 84.343	927.770
19/12	HD 0000018	19/12	Xuất bán thiếc hàn thanh cho công ty Cổ phần Cơ khí Đức Hoàng Long	131 511 3331	86.625.000	78.750.000 7.875.000
...
25/12	GBC 2385610	25/12	Công ty Cổ phần Cơ khí Đức Hoàng Long thanh toán tiền hàng	1121 131	86.625.000	86.625.000
31/12	PKT 133	31/12	Kết chuyển Doanh thu bán hàng quý IV	511 911	824.579.370	824.579.370
			Cộng phát sinh năm		36.977.087.321	36.977.087.321

Ngày tháng năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
(Nguồn: Phòng Kế toán)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.18: Sổ cái TK 511**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Mẫu số:S03b-DN****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
- Hải An-Hải Phòng****ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)****SỔ CÁI****Tài khoản:Doanh thu bán hàng****Số hiệu:511****Quý IV năm 2012****Đơn vị tính:VNĐ**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số Tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
10/12	HĐ 0000013	10/12	Bán nước trợ hàn cho công ty Cổ phần Cơ khí Đức Gang Thanh Sơn	131		9.350.000
12/12	HĐ 0000015	12/12	Bán nước trợ hàn cho Doanh nghiệp tư nhân Cơ khí Đức Tân Tiến	131		3.850.000
19/12	HĐ 0000018	19/12	Bán thiếc hàn thanh cho công ty Cổ phần Cơ khí Đức Hoàng Long	131		78.750.000
...
24/12	HĐ 0000020	24/12	Bán máy trộn cát cho công ty Đức Gang Thanh Dung	131		25.909.091
31/12	PKT 133	31/12	Kết chuyển Doanh thu bán hàng quý IV	911	824.579.370	
			Cộng phát sinh		824.579.370	824.579.370

Ngày tháng năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán)

- Ở công ty không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nên không sử dụng tài khoản phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí, doanh thu hoạt động tài chính tại công ty Cổ phần thương mại TB 888.

2.2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính

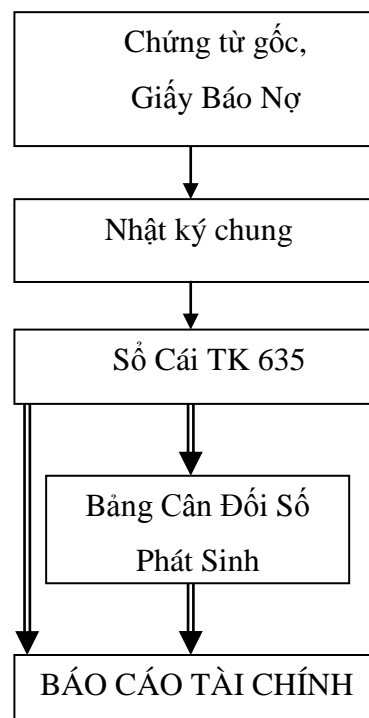
*Tài khoản sử dụng: Tài khoản 635

Tại công ty Cổ phần thương mại TB 888, tài khoản 635 được sử dụng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh từ lãi tiền vay ngân hàng, tất toán khoản vay. Ngoài ra trong kỳ công ty không phát sinh thêm khoản chi phí nào liên quan đến chi phí hoạt động tài chính.

*Chứng từ sử dụng:

Giấy báo Nợ và Bản sao kê chi tiết của ngân hàng.

*Quy trình kế toán



Sơ đồ 2.5: Quy Trình Kế Toán Chi phí Hoạt Động Tài Chính

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

- Căn cứ vào chứng từ gốc như: Phiếu chi, Phiếu kế toán ... kế toán vào sổ nhật ký chung, căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 635.
- Cuối kỳ kế toán căn cứ vào sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính.

Khảo sát số liệu quý IV năm 2012:

Ngày 1/12/2012 phát sinh nghiệp vụ trích trả lãi vay tiền gửi ngân hàng Á Châu –ACB số tiền là 8.128.282 đồng.

- Căn cứ vào giấy báo nợ (Biểu số 2.19) hoặc bảng sao kê chi tiết của ngân hàng Á Châu ACB tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung(Biểu số 2.20) và vào sổ cái TK 635 (Biểu 2.21)
- Cuối quý, kế toán lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.19:Giấy Báo Nợ

Ngân hàng Á Châu	GIẤY BÁO NỢ
Chi nhánhACB-HaiPhong	Ngày 1 tháng 12 năm 2012
	MaGDV:HANGNTTHP
	MaKH :47945
	Số GD :123
Kính gửi :Công ty Cổ phần thương mại TB888	
Mã số thuế : 0200681116	
Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:	
Số Tài khoản ghi NỢ :	24284269
Số tiền bằng số :	8.128.282
Số tiền bằng chữ :	Tám triệu một trăm hai mươi tám ngàn, hai trăm tám mươi hai đồng chẵn./
Nội dung :	Trả lãi tiền vay ngân hàng.
Giao dịch viên	Kiểm soát

(Nguồn : Phòng Kế toán)

Biểu số 2.20: Trích Sổ Nhật Ký Chung**SỔ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG****Mẫu số: S03a-DN****CÔNG TY CỔ PHẦN TM TB888****(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC****Địa chỉ: Số 2A/177 Phương Lưu 2****ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)****- Hải An- Hải Phòng****TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2012

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu Tk	Số Tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
1/12	GBN123	1/12	Trích trả lãi vay	635	8.128.282	
				1121		8.128.282
			...			
15/12	HD 3464943	15/12	Thanh toán tiền điện thoại	6422	843.427	
				1331	84.343	
				1111		927.770
19/12	HD 0000018	19/12	Xuất bán thiếc hàn thanh cho công ty Cổ phần Cơ khí Đức Hoàng Long	131	86.625.000	
				511		78.750.000
				3331		7.875.000
31/12	PKT134	31/12	Kết chuyển Chi phí HĐTC quý IV	911	19.414.689	
				635		19.414.689
			Cộng phát sinh năm		36.977.087.321	36.977.087.321

Ngày tháng năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu số 2.21: Sổ cái TK 635**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Mẫu số:S03b-DN****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1 (Ban hành theo QĐ số 48006/QĐ-BTC ngày 14/9/06 của Bộ trưởng BTC)**
- Hải An-Hải Phòng**SỔ CÁI****Tài khoản:Chi phí hoạt động tài chính****Số hiệu:635****Quý IV năm 2012****Đơn vị tính:VNĐ**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số Tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có

1/12	GBN123	1/12	Trích trả lãi vay	1121	8.128.282	
31/12	PKT134	31/12	Kết chuyển Chi phí HĐTC quý IV	911		19.414.689
			Cộng phát sinh		19.414.689	19.414.689

Ngày tháng năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán)

2.2.2.2 Thực trạng tổ chức doanh thu hoạt động tài chính

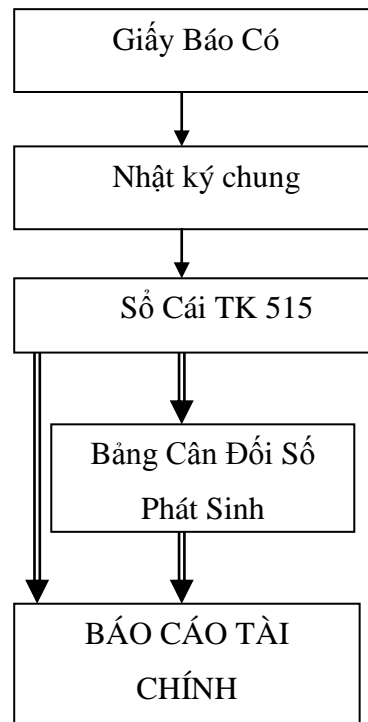
* Tài khoản sử dụng: tài khoản 515

Tài khoản 515 được sử dụng để ghi chép khoản thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng. Ngoài ra, trong công ty không phát sinh khoản thu nhập hoạt động tài chính nào khác.

* Chứng từ sử dụng:

Giấy báo có và bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho công ty.

* Quy trình kế toán:



Sơ đồ 2.6: Quy Trình Kế toán Doanh Thu Hoạt Động Tài Chính

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Căn cứ vào chứng từ gốc như: Giấy báo có của Ngân hàng, phiếu kế toán, kế toán vào sổ nhật ký chung.

- Căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 515
- Định kỳ cuối quý, tổng hợp số liệu từ sổ cái, bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính.

Khảo sát số liệu quý IV năm 2012:

-Ngày 24/12/2009 Ngân hàng Á Châu ACB trả lãi tiền gửi cho Công ty, với số tiền là: 163.615 đồng (Giấy báo có của Ngân hàng Á Châu ACB - Biểu 2.22).

-Căn cứ vào giấy báo của ngân hàng kế toán vào sổ nhật ký chung (Biểu 2.23), sổ cái TK 515(biểu 2.24)

-Cuối kỳ kế toán căn cứ vào sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.22:Giấy Báo Có

Ngân hàng Á Châu	GIẤY BÁO CÓ
Chi nhánhACB-HaiPhong	Ngày 24 tháng 12 năm 2012
	MaGDV:HIENNLTHAP
	MaKH :47945
	Số GD : 150
Kính gửi :Công ty Cổ phần thương mại TB888	
Mã số thuế : 0200681116	
Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:	
Số Tài khoản ghi CÓ : 24284269	
Số tiền bằng số	: 163.615
Số tiền bằng chữ	: Một trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm mười lăm đồng chẵn.
Nội dung	: Lãi nhập vốn.
Giao dịch viên	Kiểm soát

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu số 2.23: Trích Sổ Nhật Ký Chung**SỔ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG****Mẫu số: S03a-DN****CÔNG TY CỔ PHẦN TM TB888****(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC****Địa chỉ: Số 2A/177 Phương Lưu 2****ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)****- Hải An- Hải Phòng****TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số Phát Sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
1/12	GBC134	1/12	Nộp tiền vào tài khoản	1121	12.000.000	
				1111		12.000.000
15/12	HD 3464943	15/12	Thanh toán tiền điện thoại	6422	843.427	
				1331	84.343	
				1111		927.770
24/12	GBC150	24/12	Lãi nhập vốn	1121	163.615	
				515		163.615
...
31/12	PKT133	31/12	Kết chuyển DTHĐTC quý IV	515	343.250	
				911		343.250
			Cộng phát sinh		36.977.087.321	36.977.087.321

Ngày tháng năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán)

Biểu số 2.24: Sổ cái TK 515

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888
Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1
Hải An-Hải Phòng

Mẫu số:S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 8/2006/QĐ-TC-
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính****Số hiệu:515**

Quý IV Năm 2012

Đơn vị tính:VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số Phát Sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					...	
24/12	GBC150	24/12	Lãi nhập vốn	1121		163.615
31/12	PKT133	31/12	Kết chuyển DTHĐTC quý IV	911	343.250	
			Cộng phát sinh		343.250	343.250

Ngày tháng năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán)

2.2.3 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.

Trong năm công ty không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan đến kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.

2.2.4 Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại TB 888.

- **Đặc điểm:**

Cuối năm kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

+ Kết chuyển chi phí: chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính...

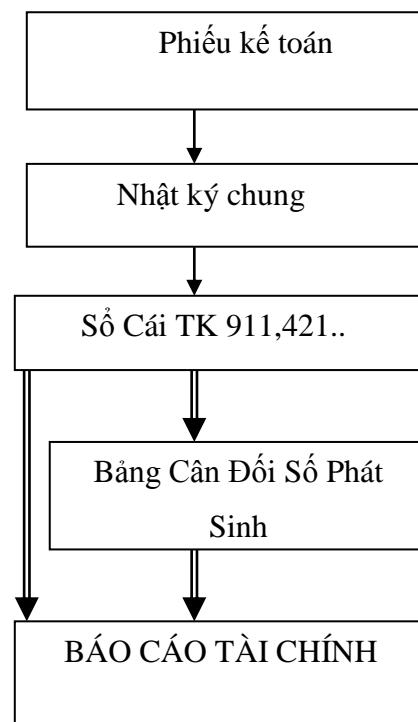
+ Kết chuyển lãi – lỗ.

- **Tài khoản sử dụng:**

- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

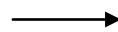
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.

- **Quy trình kế toán**

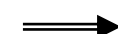


Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



Sơ đồ 2.7: Quy Trình Kế Toán Xác Định Kết Quả Kinh Doanh

Khảo sát số liệu quý IV năm 2012:

Cuối tháng 12, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh quý IV năm 2012.

Căn cứ vào phiếu kế toán(Biểu số 2.25; Biểu số 2.26; Biểu số 2.27; Biểu số 2.28; Biểu số 2.29), kế toán tiến hành ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Nhật ký chung (Biểu số 2.30)

Căn cứ vào số liệu trên Sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái tài khoản 821(Biểu số 2.31);911(Biểu số 2.32); 421(Biểu số 2.33).

Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên Sổ Cái TK 911, TK 421 kế toán lập bảng cân đối số phát sinh.

Biểu số 2.25: Phiếu kê toán.**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1****- Hải An-Hải Phòng****PHIẾU KÊ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2012****Số: 133**

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển Doanh thu bán hàng quý IV	511	911	824.579.370
2	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính quý IV	515	911	343.250
	Tổng cộng			824.922.620

Bằng chữ: Tám trăm hai mươi tư triệu, chín trăm hai mươi hai ngàn, sáu trăm hai mươi đồng chẵn./

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán)

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán.**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1****- Hải An-Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2012****Số: 134**

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển Giá Vốn hàng bán quý IV	911	632	657.287.782
2	Kết chuyển Chi phí quản lý doanh nghiệp quý IV	911	6422	93.249.422
3	Kết chuyển Chi phí Tài chính quý IV	911	635	19.414.689
	Tổng cộng			769.951.893

Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi chín triệu, chín trăm năm mươi một ngàn, tám trăm chín mươi ba đồng chẵn./

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán)

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán.**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1****- Hải An-Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2012****Số: 135**

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển Thuế TNDN quý IV	821	3334	13.742.682
	Tổng cộng			13.742.682

Bằng chữ: Mười ba triệu, bảy trăm bốn mươi hai ngàn, sáu trăm tám mươi hai đồng chẵn./

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu số 2.28: Phiếu kế toán.**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1****- Hải An-Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2012****Số: 136**

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển Chi phí Thuế TNDN quý IV	911	821	13.742.682
	Tổng cộng			13.742.682

Bằng chữ: Mười ba triệu, bảy trăm bốn mươi hai ngàn, sáu trăm tám mươi hai đồng chẵn./

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán)

Biểu số 2.29: Phiếu kế toán.**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1****- Hải An-Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2012****Số: 137**

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển Lãi quý IV	911	421	41.228.045
	Tổng cộng			41.228.045

Bằng chữ: Bốn mươi một triệu, hai trăm hai mươi tám ngàn, không trăm bốn mươi lăm đồng chẵn./

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu số 2.30: Trích Nhật ký chung**SỔ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG****Mẫu số: S03a-DN****CÔNG TY CỔ PHẦN TM TB888****(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC****Địa chỉ: Số 2A/177 Phương Lưu 2****ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)****- Hải An- Hải Phòng****TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2012

Đơn vị tính :VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu Tk	Số Tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
31/12	PKT133	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý IV	511	824.579.370	
				911		824.579.370
31/12	PKT133	31/12	Kết chuyển Doanh thu Hoạt động TC quý IV	515	343.250	
				911		343.250
31/12	PKT134	31/12	Kết chuyển Giá Vốn hàng Bán quý IV	911	657.287.782	
				632		657.287.782
31/12	PKT134	31/12	Kết chuyển Chi phí	911	93.249.422	

			quản lý DN quý IV	6422		93.249.422
31/12	PKT134	31/12	Kết chuyển Chi phí HĐTài chính quý IV	911	19.414.689	
				635		19.414.689
31/12	PKT135	31/12	Kết chuyển thuế TNDN quý IV	821	13.742.682	
				3334		13.742.682
31/12	PKT136	31/12	Kết chuyển Chi phí thuế TNDN quý IV	911	13.742.682	
				821		13.742.682
31/12	PKT137	31/12	Kết chuyển lãi quý IV	911	41.228.045	
				421		41.228.045
			Cộng phát sinh năm		36.977.087.321	36.977.087.321

Ngày tháng năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu số 2.31: Trích sổ cái TK 821**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Mẫu số:S03b-DN****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1****(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-****BTC- Hải An-Hải Phòng****ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)****SỔ CÁI****Tài khoản: Chi phí thuế thu nhập Doanh Nghiệp****Số hiệu:821****Quý IV năm 2012****Đơn vị tính:VNĐ**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số Tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/12	PKT135	31/12	Kết chuyển Thuế TNDN	3334	13.742.682	
31/12	PKT136	31/12	Kết chuyển Chi phí thuế TNDN	911		13.742.682
			Cộng phát sinh		13.742.682	13.742.682

Ngày tháng năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu số 2.32: Trích Sổ Cái TK 911**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Mẫu số:S03b-DN****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1 Hải An-Hải Phòng****Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC-
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)****SỔ CÁI****Tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh****Số hiệu:911****Quý IV năm 2012****Đơn vị tính:VNĐ**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số Tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			
31/12	PKT133	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng quý IV	511		824.579.370
31/12	PKT133	31/12	Kết chuyển DTHĐTC quý IV	515		343.250
31/12	PKT134	31/12	Kết chuyển Giá Vốn Hàng Bán quý IV	632	657.287.782	
31/12	PKT134	31/12	Kết chuyển Chi Phí QLDN quý IV	6422	93.249.422	
31/12	PKT134	31/12	Kết chuyển Chi phí Tài Chính quý IV	635	19.414.689	
31/12	PKT136	31/12	Kết chuyển Chi phí thuế TNDN quý IV	821	13.742.682	
31/12	PKT137	31/12	Kết chuyển lãi quý IV	421	41.228.045	

			Cộng phát sinh		<u>824.922.620</u>	<u>824.922.620</u>

Ngày tháng năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán)

Biểu số 2.33: Trích sổ cái TK 421**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Mẫu số:S03b-DN****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Hải An-Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)****SỔ CÁI****Tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối****Số hiệu:421**

Quý IV năm 2012

Đơn vị tính:VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số Tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu quý IV			<u>151.582.444</u>
			Số phát sinh			
31/12	PKT137	31/12	Kết chuyển Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối quý IV	911		41.228.045
			Số dư cuối kỳ			<u>192.810.489</u>

Ngày tháng năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn : Phòng Kế toán)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ,
DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG
TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB 888****3.1 Đánh giá chung về tổ chức kế toán tại công ty Cổ phần thương mại
TB 888****3.1.1 Kết quả**

Qua thời gian thực tập tại công ty Cổ phần thương mại TB 888, em nhận thấy tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả như sau:

****Về tổ chức bộ máy kế toán:***

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức một cách linh hoạt, tập trung, phù hợp với mô hình kinh doanh và trình độ chuyên môn của từng người. Nhân viên kế toán với trình độ chuyên môn cao, có tính độc lập, nhiệt tình và lòng yêu nghề luôn hoàn thành tốt công việc được giao. Nhiều năm liền chưa xảy ra sai phạm đáng kể trong kinh tế tài chính, hạch toán thống kê. Do vậy mà bộ máy kế toán của công ty luôn ổn định và đảm bảo việc theo dõi, báo số hàng tháng của công ty đúng hạn. Giám sát và quản lý các chi phí phát sinh theo đúng pháp luật và quy định của công ty. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

****Về chứng từ sử dụng:***

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ Tài Chính. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm

bảo cho chúng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu giữ chứng từ được làm một cách cẩn trọng và tạo được sự thuận lợi cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

****Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:***

Các sổ kế toán được thực hiện và lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là ghi chép đơn giản, kết cấu dễ ghi, số liệu kế toán dễ đối chiếu kiểm tra.

****Về việc hạch toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại TB 888:***

❖ Về tổ chức kế toán chi phí:

Chi phí là vấn đề mà các nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí tránh nhằm lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy công tác kế toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

❖ Về tổ chức kế toán doanh thu:

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được ghi nhận một cách kịp thời, chính xác và đầy đủ nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu, là cơ sở quan trọng để xác định kết quả kinh doanh, để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

❖ Về tổ chức xác định kết quả kinh doanh:

Công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cuối mỗi tháng vì vậy sẽ luôn đảm bảo được quá trình cung cấp thông tin kịp thời về hoạt động kinh doanh, giúp cho ban lãnh đạo công ty ra những quyết định về kinh doanh để ngày càng nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng lợi nhuận.

3.1.2 Hạn chế

Trong những năm hình thành và phát triển cho đến nay, công ty đã cố gắng xây dựng và hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định

kết quả kinh doanh xong vẫn không khỏi vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định như sau:

❖ ***Về việc áp dụng phần mềm kế toán trong hạch toán kế toán.***

Hiện nay với sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin rất nhiều ngành nghề đã và đang áp dụng tiến bộ khoa học này để tiết kiệm sức lao động của con người. Như chúng ta đã biết việc sử dụng máy tính để hỗ trợ cho quá trình tính toán và làm sổ sách kế toán ngày nay là rất phổ biến, nhiều phần mềm kế toán đã ra đời giúp giảm tải cho nhân viên kế toán, giảm chi phí và sức lao động. Tuy nhiên công ty vẫn áp dụng kế toán excel trên vi tính mất khá nhiều thời gian, đôi khi còn có sự sai lệch và nhầm lẫn về số liệu.

Việc tổ chức kế toán trên excel có nhiều nhược điểm như:

- Dung lượng trên excel nhỏ hơn nhiều so với một phần mềm kế toán
- Làm kế toán trên Excel chỉ là trên một file tại một thời điểm
- Chỉ đáp ứng về mặt sổ sách thông thường và các phân tích chỉ mang tính chất thống kê, mang tính quản trị là rất khó.
- Độ bảo mật dữ liệu là không cao

Chính vì những hạn chế đó nên việc ứng dụng khoa học công nghệ vào kế toán là rất cần thiết đối với công ty.

❖ ***Về hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết***

Việc tập hợp chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tương đối hoàn chỉnh nhưng việc hạch toán chi phí, doanh thu chưa thật chi tiết khi công ty chưa mở sổ chi tiết đối với giá vốn hàng hóa bán ra và sổ chi tiết bán hàng để theo dõi từng loại mặt hàng.

❖ ***Về việc sử dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng***

Trong nền kinh tế đang diễn ra những cạnh tranh gay gắt giữa những doanh nghiệp cùng ngành với nhau như hiện nay thì việc giữ chân khách hàng, tạo mối quan hệ tốt với khách hàng là chiến lược rất quan trọng, cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Chính sách chiết khấu thương mại là

một trong những biện pháp được đưa ra để thực hiện được chiến lược nêu trên.

Thực tế tại công ty Cổ phần thương mại TB 888 chưa thực hiện chính sách chiết khấu thương mại nên hạn chế khả năng thanh toán đúng hạn và thanh toán sớm hơn thời hạn của khách hàng nên có thể gây nên tình trạng ứ đọng vốn và tạo nên sự chậm trễ trong thanh toán. Vì vậy công ty có thể nghiêm cứu xem xét thực hiện chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng.

❖ *Về việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi*

Việc trích lập các khoản dự phòng khó đòi trong công tác thu hồi công nợ đóng góp vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Đối với những khách hàng thanh toán chậm, sẽ dẫn đến tình trạng chiếm dụng vốn của doanh nghiệp, làm cho vòng quay của vốn chậm lại, gây nên kết quả khó lường. Để đảm bảo cho việc kinh doanh không xảy ra những biến động bất lợi do khách hàng thanh toán quá hạn, công ty nên trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

3.2 Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại TB 888.

3.2.1 Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán.

Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là tất yếu nhưng việc hoàn thiện phải tuân theo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh phải tuân thủ chế độ kinh tế của Nhà nước ban hành. Bất cứ hoạt động nào của doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán nói riêng đều phải theo thể lệ chính sách Nhà nước ban hành.
- Đảm bảo sự phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý kinh doanh của doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp có những đặc thù riêng, do đó công

tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cũng phải có sự lựa chọn về phương pháp hạch toán sao cho phù hợp với doanh nghiệp, xác định kết quả kinh doanh trong thời gian ngắn nhất.

- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác kịp thời, đầy đủ cho quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.
- Đảm bảo tiết kiệm chi phí hạch toán. Mục đích hoạt động của các doanh nghiệp là đạt lợi nhuận cao, để có được điều này song song với việc tăng thu, các doanh nghiệp phải có những biện pháp để hạ thấp chi phí. Vì vậy các phương án hoàn thiện kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh có điều kiện đến đâu cũng không thể thoát khỏi yêu cầu tiết kiệm chi phí.

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh phải dựa vào các điều kiện sau:

- Đơn vị phải có tư cách pháp nhân, phải trang bị cơ sở vật chất cho phòng kế toán, tạo điều kiện để kế toán ứng dụng những phương tiện hiện đại nhằm phát huy được tối đa năng lực của mình.
- Bộ máy kế toán được xây dựng hợp lý, căn cứ vào trình độ năng lực kinh nghiệm của kế toán, phải có chế độ, trách nhiệm rõ ràng, khen thưởng kịp thời các nhân viên đóng góp tích cực, kiên quyết xử lý các hành vi gian lận, vi phạm chế độ của Nhà Nước.

3.2.2 Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại TB 888

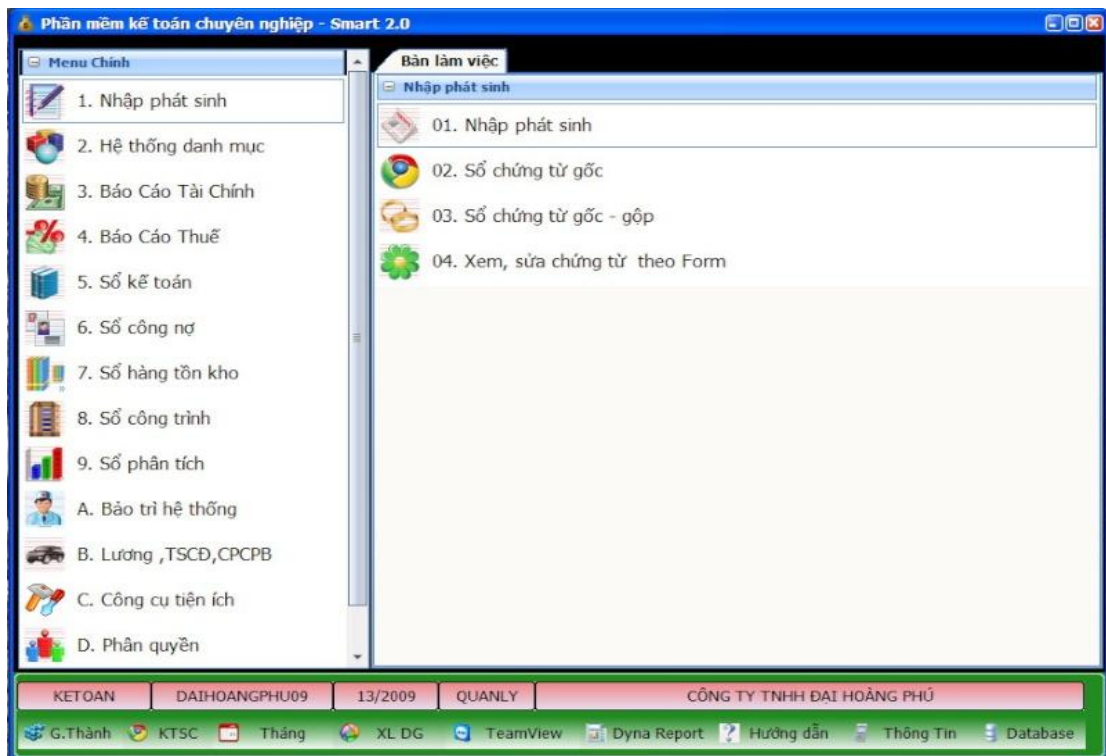
- ***Biện pháp 1: Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán***

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm thời gian lao động tính toán số liệu của nhân viên kế toán, để tạo cho họ có thêm thời gian để nghiên cứu các vấn đề kinh doanh của công ty, đưa lại sự chính xác cao hơn cho việc cung cấp thông tin số liệu thì công ty nên cài các phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty. Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị máy vi tính có kết nối mạng

internet, điều đó tạo sự thuận lợi cho việc ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán.

Công ty có thể tự viết phần mềm kế toán theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư 103/2005/TT-BTC của Bộ Tài Chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc đi mua phần mềm kế toán của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

+ **Phần mềm kế toán Smart Soft: Của công ty Cổ phần Smart Soft**



Sau một thời gian phát triển và biến đổi không ngừng, phần mềm kế toán Smart đã đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp. Phần mềm kế toán Smart thích nghi được với rất nhiều loại hình doanh nghiệp. Bên cạnh những biểu mẫu tiếng Việt theo quyết định số 15, quyết định 48 và thông tư mới nhất của Bộ Tài chính, Smart còn có một số biểu mẫu bằng tiếng Anh, song ngữ Anh-Việt: Phiếu thu, phiếu Chi, Phiếu Nhập kho, phiếu xuất kho, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo Cáo lưu chuyển tiền tệ, Bảng Cân Đối kế toán, Bảng Cân đối số phát sinh,..

+Phần mềm kế toán Fast Accounting: Cửa công ty quản lý phần mềm doanh nghiệp Fast.

Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có gần 4.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như Sản phẩm được nhiều người sử dụng CUP Công Nghệ thông tin. Sản phẩm rất thân thiện với kế toán, giúp giảm bớt thời gian tính toán số liệu và lưu trữ thông tin một cách khoa học và thông minh.



+Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012: của công ty cổ phần Misa.

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2012

doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.



- ***Biện pháp 2: Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty Cổ phần thương mại TB 888.***

Việc hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty sẽ đem lại doanh thu cụ thể cho từng loại mặt hàng, từ đó nhà quản lý có thể nắm bắt được mặt hàng nào được tiêu thụ tốt để đề ra những chiến lược kinh doanh hiệu quả hơn.

Công ty có thể sử dụng mẫu biểu sau:

+Sổ Chi tiết giá vốn hàng bán (Biểu mẫu 3.1)

+Sổ Chi tiết bán hàng (Biểu mẫu 3.2)

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán.**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1****- Hải An-Hải Phòng****Mẫu số:S18-DNN****(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)****SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Tên tài khoản 632

Tên sản phẩm: Thiếc hàn thanh

Quý IV năm 2012

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ TK 632		
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
..		
31/12	PX018	31/12	Trị giá vốn hàng bán ngày 19/12	1561	175	351.742	61.554.850
31/12	PX019	31/12	Trị giá vốn hàng bán ngày 22/12	1561	105	351.742	36.932.910
			Cộng số phát sinh	
			Ghi Có TK 632		1.460		506.391.000

Ngày tháng năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

biểu số 3.2: Sổ chi tiết bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888

Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1

- Hải An-Hải Phòng

Mẫu số:S17-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên hàng hóa: Thiếc hàn thanh

Quý IV năm 2012

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ doanh thu		
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521,531,532)	
..		
19/12	HĐ 0000018	19/12	Doanh thu bán hàng cho công ty Cổ phần Cơ khí Đức Hoàng Long	131	175	450.000	78.750.000			
22/12	HĐ 0000019	22/12	Doanh thu bán hàng cho công ty TNHH LUXXX VIỆT NAM	131	105	450.000	47.250.000			
						

			Cộng số phát sinh		1.460		617.550.000			
			Doanh thu thuần				617.550.000			
			Giá vốn hàng bán				506.391.000			
			Lợi nhuận gộp				111.159.000			

Ngày tháng năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

+Biện pháp 3:Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán trước thời hạn để kích thích khách hàng thanh toán sớm và tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn, lâu dài.

Để làm được điều này thì công ty phải xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán thật phù hợp.Công ty nên xây dựng mức chiết khấu theo thời gian thanh toán cho khách hàng.Cần phải dựa vào các yếu tố như sau để có được chính sách chiết khấu thật phù hợp:

- Số tiền mua hàng phát sinh
- Thời gian thanh toán
- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay
- Dựa vào mức chiết khấu của doanh nghiệp cùng loại
- Dựa vào chính sách kinh doanh của công ty
- Dựa vào mức chiết khấu của doanh nghiệp cùng loại

Khi áp dụng chính sách này sẽ kích thích khả năng thanh toán sớm của khách hàng và tạo nên mối quan hệ làm ăn thân thiết, lâu dài gắn bó với công ty xong có thể làm giảm lợi nhuận.Cho nên công ty cần nghiên cứu kỹ tỷ lệ chiết khấu sao cho vẫn đảm bảo về mặt lợi nhuận một cách tốt nhất.

Khoản chiết khấu thanh toán sẽ được áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời gian quy định...,khoản chiết khấu này sẽ được hạch toán vào tài khoản 635 – Chi phí tài chính.

Phương pháp hạch toán:

Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

+ Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

Có TK 131, 111, 112...

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911:

+ Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

+Biện pháp 4: Về trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi

*Lập dự phòng phải thu khó đòi là việc doanh nghiệp tính trước vào chi phí của doanh nghiệp một khoản chi, để khi có các khoản nợ khó đòi, không đòi được thì tình hình của doanh nghiệp không bị ảnh hưởng.

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo kế toán tài chính.

***Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi**

Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ.

Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán, nhưng tổ chức kinh tế(các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...)đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- +30% giá trị đối với phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm
- +50% giá trị đối với phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- +70% giá trị đối với phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- +100% giá trị đối với phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

***Tài khoản sử dụng**

Để đề phòng những tổn thất do những khoản nợ phải thu khó đòi đem lại và hạn chế đến mức tối thiểu những đột biến về kết quả kinh doanh trong kỳ, công ty nên mở TK 159 – “Dự phòng phải thu khó đòi”.

Tài khoản sử dụng: TK 159 – “Dự phòng phải thu khó đòi”.

Tài khoản 159 có 3 TK cấp 2:

- TK 1591: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn
- TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi
- TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Kết cấu tài khoản:*Bên nợ:**

Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

Xóa các khoản giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

Bên có:

Số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho được lập tính vào chi phí quản lý.

Dư có: Số dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, nợ phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

***Phương pháp kế toán:**

- Cuối năm, xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán phần chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 6422 : Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 1592 : Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

-Nếu dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm chi phí:

Nợ TK 1592 : Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 6422 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xóa nợ (theo quy định chế độ tài chính hiện hành). Căn cứ vào quyết định xóa nợ về khoản nợ phải thu khó đòi kế toán ghi:

Nợ TK 1592: (nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 6422: (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131:

Có TK 138:

Đồng thời ghi Nợ TK 004

- Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK 111, 112:

Có TK 711:

Đồng thời ghi Có TK 004 – Nợ khó đòi đã xử lý.

Ví dụ: Căn cứ vào Báo cáo tình hình công nợ quá hạn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012(Biểu 3.3) kế toán trích lập nợ phải thu khó đòi theo quy định của nhà nước, sau đó tiến hành ghi vào phiếu kế toán(Biểu số 3.4), từ đó phản ánh vào sổ nhật ký chung(Biểu số 3.5), từ nhật ký chung vào sổ Cái TK 6422(Biểu số 3.6).

Biểu số 3.3: Báo cáo tình hình công nợ quá hạn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1****- Hải An-Hải Phòng****BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ QUÁ HẠN
ĐẾN HẾT NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

STT	Tên khách hàng	Công nợ đến hết ngày 31/12/2012		Ghi chú	Số tiền cần trích lập dự phòng
		Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ		
1	Công ty TNHH Cơ khí Đúc Gang Duyên Hải	49.220.000		Phát sinh ngày 16/2/2012, hạn thanh toán là 8/4/2012, công ty đã quá hạn thanh toán 8 tháng	14.766.000
2	Doanh nghiệp tư nhân Cơ khí đúc Tân Tiến	21.714.000		Phát sinh ngày 10/3/2012, hạn thanh toán là 8/6/2012, công ty đã quá hạn thanh toán 6 tháng	6.514.200
	Cộng	70.934.000			21.280.200

Ngày tháng năm

Kế toán

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

*Căn cứ vào **Báo cáo tình hình công nợ quá hạn đến hết ngày 31/12/2012**

Mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi được tính như sau:

$(14.766.000 + 6.514.200) \times 30\% = 21.280.200$ (đồng)

***Kế toán định khoản:**

Nợ 6422 : 21.280.200

Có 1592 : 21.280.200

Kế toán tiến hành lập phiếu kế toán (Biểu số 3.4)

Biểu số 3.4: Phiếu kế toán.**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1****- Hải An-Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2012****Số:**

STT	Diễn giải	Tài khoản		Thành tiền
		Nợ	Có	
1	Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	6422	1592	21.280.200
	Tổng cộng			21.280.200

Bằng chữ: Hai mươi một triệu, hai trăm tám mươi ngàn, hai trăm đồng chẵn./

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.5: Trích sổ nhật ký chung**SỔ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ HẢI PHÒNG****Mẫu số: S03a-DN****CÔNG TY CỔ PHẦN TM TB888****(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC****Địa chỉ: Số 2A/177 Phương Lưu 2****ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)****- Hải An- Hải Phòng****TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2012

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu Tk	Số Tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
1/12	GBC134	1/12	Nộp tiền vào tài khoản	1121	12.000.000	
				1111		12.000.000
15/12	HD 3464943	15/12	Thanh toán tiền điện thoại	6422	843.427	
				1331	84.343	
				1111		927.770
			
24/12	GBC204	24/12	Nộp tiền vào tài khoản	1121	537.000.000	
				111		537.000.000
				
31/12	PKT130	31/12	Tập hợp chi phí lương	6422	25.699.153	
				334		25.699.153

31/12	31/12	Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	6422	21.280.200	
				1592		21.280.200
			
			Cộng phát sinh	

Ngày tháng năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.6: Sổ cái TK 6422**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TB888****Mẫu số:S03b-DN****Địa chỉ : Số 2A/177 Phương Lưu 2-Đông Hải 1
Hải An-Hải Phòng****(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)****SỔ CÁI****Tài khoản:Chi phí quản lý doanh nghiệp****Số hiệu:6422****Năm 2012****Đơn vị tính:VNĐ**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số Tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		...	
15/12	PC043	15/12	Thanh toán tiền điện thoại	1111	843.427	
	
31/12	PKT130	31/12	Tập hợp chi phí lương	334	25.699.153	
31/12	PKT131	31/12	Trích các khoản theo lương	3383	3.876.000	
31/12	PKT131	31/12	Trích các khoản theo lương	3384	684.000	
		
31/12	...	31/12	Trích dự phòng phải thu khó đòi	1592	21.280.200	
...
			Cộng phát sinh	

Ngày tháng năm 2012

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế đang có sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt như hiện nay, việc phát triển và hoàn thiện không ngừng của tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh chính là chìa khóa dẫn đến thành công của mỗi doanh nghiệp. Bên cạnh việc cung cấp những thông tin chính xác phục vụ cho quá trình hạch toán, tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh còn giúp các nhà quản trị đưa ra được những quyết sách kịp thời, hiệu quả nhằm nâng cao lợi nhuận cho công ty.

Qua quá trình thực tập tại công ty Cổ phần thương mại TB 888, em đã tìm hiểu được thực tế về công tác kế toán và các phần hành nói chung và phần hành kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Từ đó thấy được sự giống nhau và khác nhau giữa lý thuyết và thực tiễn.

Qua quá trình thực tập tại công ty Cổ phần thương mại TB 888, em nhận thấy công tác tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh ở công ty thực hiện khá đầy đủ, đúng chế độ tài chính kế toán do Nhà nước quy định và đảm bảo cung cấp thông tin theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế nhất định. Để kế toán thực sự là công cụ quản lý hữu hiệu và đặc lực thì công ty nên tiếp tục hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Cuối cùng, sau khi so sánh thực trạng với lý thuyết cũng như so sánh với chế độ kế toán hiện hành, em đưa ra những đánh giá khái quát chung cùng một số kiến nghị về tổ chức hạch toán kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại TB 888.

Do trình độ và thời gian còn hạn chế, kiến thức thực tế còn ít nên trong khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo tận tình của thầy cô và các cán bộ kế toán tại công ty Cổ phần thương mại TB 888 để bài khóa luận của em hoàn thiện hơn về mặt lý luận và thiết thực với thực tiễn.

Em xin chân thành cảm ơn Thạc sỹ Lương Khánh Chi cùng ban lãnh đạo và cán bộ phòng kế toán trong công ty đã giúp đỡ em hoàn thành khóa luận này!.

Sinh viên

Phạm Thị Thu Trang

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế toán tài chính – Nhà xuất bản thống kê.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, Nhà xuất bản tài chính.
3. Chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”.
4. Tài liệu, sổ sách kế toán do công ty cổ phần thương mại TB888 cung cấp.
5. Một số luận văn khóa trước.